

Số: 116 /TB-HĐQT-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2018

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tại ngày đăng ký cuối cùng 20/3/2018 để hưởng quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản xin trân trọng Thông báo đến các Quý vị cổ đông của Công ty “Về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2018 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản” với các nội dung chi tiết như sau:

**1. Thời gian: Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/4/2018.**

**2. Địa điểm:** Hội trường Lầu 1- Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Thành phần:**

a) Các Quý cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu Chứng khoán của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tại thời điểm chốt ngày đăng ký cuối cùng 20/03/2018 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập.

b) Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, Ban kiểm soát Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

**4. Nội dung:** Thảo luận và thông qua các vấn đề sau,

a) Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017.

b) Báo cáo Ban kiểm soát năm 2017.

c) Thông qua các Tờ trình:

- Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2017;
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018;
- Ủy quyền Ban kiểm soát Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018;
- Báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và ban hành Điều lệ theo quy định tại Nghị định 71/NQ-CP ngày 06/6/2017, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/NĐ-CP của Chính phủ;



- Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty theo quy định tại Nghị định 71/NQ-CP ngày 06/6/2017, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/NĐ-CP của Chính phủ;
- V/v giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số 226/NHNoHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM;
- Thông qua số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.

d) Bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;

e) Các nội dung khác (nếu có).

### 5. Đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018:

Quý cổ đông tham dự họp Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội vui lòng đăng ký trực tiếp với **Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**.

Tại trụ sở Công ty: **số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.**

hoặc qua số điện thoại : 028.38729751 – số di động: 090 808 5169

hoặc qua fax : 028.38729749 – 028.38727181.

Thời gian đăng ký đến trước 16 giờ 00 phút ngày 17/4/2018.

Hồ sơ đăng ký ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội, xác nhận tham dự Đại hội bao gồm: Giấy ủy quyền, bản sao giấy CMND hoặc hộ chiếu của cổ đông, xuất trình CMND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền, mẫu giấy xác nhận, ủy quyền tham dự họp Đại hội có thể tải từ website <http://www.seameco.com.vn>

Các tài liệu liên quan đến nội dung của Đại hội sẽ được đăng tải trên website <http://www.seameco.com.vn> kể từ **ngày 05/04/2018**.

Trong trường hợp Quý vị cổ đông không nhận được Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 mà Công ty gửi cho Quý vị cổ đông theo địa chỉ do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp thì thông báo này thay cho Thư mời họp.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ với Bà Lê Thị Hải An - Thư ký công ty.

(Điện thoại : 0908 085169)

Trân trọng thông báo./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Các phòng ban;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Thái Bá Nam**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**  
**SEAPRODUCS MECHANICAL SHAREHOLDING COMPANY**  
 244 Bùi Văn Ba Street- District 7- Ho Chi Minh City- Vietnam  
 Tel: 08. 38 729 751 Fax: 08.38729 749 Email: seameco@seameco.com.vn



Tp.HCM, ngày 05 tháng 4 năm 2018

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**  
**TỔ CHỨC NGÀY 20/04/2018**

- Thời gian: vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 04 năm 2018.
- Địa điểm: Hội trường Lầu 1- Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Stt	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
	Đón khách, kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu cho cổ đông.	Ban tổ chức	07h30'-08h00'
<b>I</b>	<b>THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI</b>		08h00'-08h30'
1	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự - Tài liệu tham khảo	Ban tổ chức	
2	Kiểm tra đủ điều kiện tổ chức Đại hội	Ban tổ chức	
3	Giới thiệu và thông qua:		
3.1	Giới thiệu và bầu chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức	
3.2	Thông qua chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.	Chủ tọa đoàn	
3.3	Thông qua quy chế làm việc thể lệ biểu quyết tại Đại hội.	nt	
<b>II</b>	<b>NỘI DUNG ĐẠI HỘI</b>		09h00'-11h00'
1	Báo cáo Hội đồng quản trị	Chủ tọa đoàn	
2	Báo cáo Ban kiểm soát	BKS	
4	Thông qua các Tờ trình: 1. Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2017. 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; 3. Lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2018; 4. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả Thù lao HĐQT, BKS năm 2018; 5. Sửa đổi bổ sung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với ND 71/ND-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ và TT95//2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn	Chủ tọa đoàn	



	<p>thực hiện 1 số điều của ND 71/ND-CP của Chính phủ;</p> <p>6. Bản hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>7. Tờ trình v/v giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số 226/NHNoHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM</p> <p>8. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023;</p>		
5	Thông qua các nội dung khác (nếu có)		
6	Đại hội thảo luận.	Đại hội	
7	Đại hội tiến hành bỏ phiếu Biểu quyết từng nội dung cần thông qua.	Đại hội	
8	Thông qua Quy chế bầu cử	Ban kiểm phiếu	
9	Bỏ phiếu bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.		
10	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu.	Ban kiểm phiếu	
<b>III</b>	<b>TỔNG KẾT ĐẠI HỘI</b>		11h00' - 11h30'
1	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung tại Tờ trình và kết quả bầu HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.	Ban kiểm phiếu	
2	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Ban thư ký	
3	Bế mạc Đại hội.	Chủ tọa	



\* Ghi chú: Theo quyết định của chủ tọa Đại hội, thứ tự tiết mục; thời lượng chương trình trên có thể thay đổi tùy theo diễn tiến Đại hội.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN**  
**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Kính gửi: Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Tên cổ đông: ..... Mã cổ đông: .....  
Số CMND/ĐKKD: ..... Cấp ngày ..... Tại .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....  
Tổng số cổ phần sở hữu: .....  
(Bằng chữ:.....)

Nay Tôi ủy quyền cho:

Ông (Bà): .....  
Số CMND: ..... Cấp ngày ..... Tại .....  
Địa chỉ: .....  
Số cổ phần ủy quyền: .....

Được quyền thay thế Tôi/ Công ty tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tổ chức **vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/04/2018** và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật./.

TP Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm 2018

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

.....

.....

**Ghi chú:** Xin vui lòng gửi Fax và gửi bản chính Giấy ủy quyền về Ban Tổ chức Đại hội trước 16 giờ ngày 17/04/2018



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ**  
**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**NHIỆM KỲ 2018 – 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Kính gửi: Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2018

Tôi/ Chúng tôi là cổ đông/ nhóm cổ đông của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản gồm có:

TT	Tên cổ đông	Số CNDKKD/ CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp/ Nơi cấp	Số lượng CP sở hữu từ 06 tháng liên tục	Tỷ lệ/ Tổng số cổ phần phổ thông
	TỔNG CỘNG				

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, Tôi/ Chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông (Bà): .....

CMND/ĐKKD số: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu/đại diện: ..... cổ phần (Bằng chữ: .....

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): .....

Tôi/ Chúng tôi cam đoan Ông/ Bà ..... có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp Thủy sản nhiệm kỳ 2018 – 2023 theo quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018.

Hồ sơ của Người được đề cử đính kèm bao gồm:



- + Sơ yếu lý lịch có chứng thực;
- + Bản sao có chứng thực: CMND (Hộ chiếu); Hộ khẩu thường trú (Giấy đăng ký tạm trú dài hạn); các bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn.

Tôi/ Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo; đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018.

Trân trọng./.

**Người được đề cử**

**Người đề cử**  
(Ký tên trong danh sách kèm theo)



*\* Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16 giờ ngày 24/04/2017.*





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ỨNG CỬ**  
**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 – 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Kính gửi: Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2018

Tôi tên là: .....

Ngày sinh: .....Nơi sinh: .....

CMND/ĐKKD số: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Trình độ học vấn: .....Chuyên ngành: .....

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại:..... cổ phần, tương ứng với: .....% vốn điều lệ Công ty.

Xét thấy thỏa mãn các điều kiện theo quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018, Tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Các hồ sơ được đính kèm bao gồm:

- + Sơ yếu lý lịch có chứng thực;
- + Bản sao có chứng thực: CMND (Hộ chiếu); Hộ khẩu thường trú (Giấy đăng ký tạm trú dài hạn); các bằng cấp, giấy chứng nhận trình độ học vấn và trình độ chuyên môn.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo; đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018.

Trân trọng./.

**Ứng cử viên**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Đơn ứng cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16 giờ ngày 17/04/2018.*



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

- Họ và tên: .....Giới tính: .....
- Ngày tháng năm sinh: .....Nơi sinh: .....
- Quốc tịch: .....
- Giấy CMND số:.....Cấp ngày:.....Tại.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
- Chỗ ở hiện tại: .....
- Trình độ văn hoá: .....
- Trình độ chuyên môn: .....
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

10. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ...../...../..... đến ...../...../.....
		Từ...../...../..... đến ...../...../.....



		Từ...../...../..... đến ...../...../.....
		Từ...../...../..... đến ...../...../.....

**12. Quan hệ thân thân:**

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					
Anh/chị/ em ruột					
Chồng/ Vợ					
Con					

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên./.

....., ngày.....tháng..... năm 2018  
**Xác nhận của chính quyền địa phương/  
 Nơi công tác**

....., ngày.....tháng..... năm 2018  
**NGƯỜI KHAI**



*\*Lý lịch đề nghị gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16 giờ ngày 24/04/2017.*

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**Địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.**

**Điện thoại: 028.3 8729 751 Fax: 028.3 8729 749**

---

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH  
VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2017  
(Báo cáo trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)**



*Tp.Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2018*

**BÁO CÁO**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản;  
Hội đồng Quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành Công ty trong năm 2017, như sau:

**Phần 1**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017.**

**I/ Đánh giá những thuận lợi và khó khăn.**

**1. Thuận lợi:**

Công ty hoạt động trong Ngành thủy sản về lĩnh vực cơ khí tàu thuyền gần 30 năm qua, đã có kinh nghiệm nhất định để tiếp thị, tư vấn các mẫu tàu cá phù hợp với từng ngành nghề cho các ngư dân được phê duyệt dự án đóng tàu. Với những kinh nghiệm sẵn có cùng với uy tín đóng tàu đánh cá vỏ thép cho ngư dân năm 2016 theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ được các ngư dân tin tưởng. Năm 2017, Công ty triển khai tiếp 01 hợp đồng ký năm 2016 và ký đóng mới 04 hợp đồng đóng tàu vỏ thép. Trong đó, 03 hợp đồng đóng mới theo chương trình Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ tại Quảng Bình, Phú Quý và 01 hợp đồng đóng tàu vận tải nhỏ.

Với mặt bằng sẵn có, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, cầu cảng ... và tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh dịch vụ, tận dụng tối đa cơ sở mặt bằng sẵn có nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

**2. Khó khăn:**

Năm 2017, tuy có những thuận lợi nêu trên nhưng Công ty cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

## **2.1 Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.**

- Trong xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, chưa dự báo tốt tình hình thị trường của các hợp đồng đóng mới tàu cá sẽ hình thành trong tương lai.

- Về cơ khí đóng tàu: Sự biến động liên tục của thị trường về giá cả vật tư, thiết bị đóng tàu, nhân công..., cụ thể: giá nguyên, nhiên, vật liệu và các khoản chi phí đầu vào luôn biến động, làm tăng giá thành sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt là các nguyên vật liệu chính như tôn, sắt, thép ... trong tháng 8, 9 tăng giá đột biến (hơn 30%) kéo theo các thiết bị, vật tư cũng lên theo.

Cùng với sự ảnh hưởng của thị trường, trong năm qua sự cố chất lượng đối với tàu đánh cá vỏ thép đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ tại khu vực miền Trung làm ảnh hưởng không nhỏ tới việc giải ngân và ký kết các hợp đồng đóng mới của Công ty.

- Về dịch vụ cho thuê mặt bằng kho, bãi: Duy trì thực hiện các hợp đồng từ năm trước, giá cho thuê tuy có điều chỉnh nhưng không tăng nhiều do nhiều nguyên nhân khó khăn của các đơn vị, cá nhân đang ký hợp đồng thuê với Công ty, địa lý khu vực bị ảnh hưởng bởi tải trọng của Cầu Trắng ... nên doanh thu lĩnh vực này vẫn chỉ bằng hoặc tăng nhẹ so với năm trước.

- Về khai thác dịch vụ cầu cảng: Từ tháng 01 đến tháng 8 năm 2017, do cầu cảng xuống cấp nghiêm trọng, Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản yêu cầu Công ty phải ngưng khai thác. Việc khai thác dịch vụ cầu cảng của Công ty chỉ hoạt động cầm chừng nên đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh dịch vụ khai thác của lĩnh vực này giảm sút so với các năm trước.

**2.2 Khó khăn về tài chính:** Trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện nguồn vốn lưu động hạn hẹp, chủ yếu nhờ vào tiền tạm ứng và vốn thanh toán của chủ đầu tư.

Các chỉ số tài chính yếu kém do hậu quả công nợ cũ để lại là một trở ngại lớn cho Công ty tiếp xúc với nhà đầu tư và các tổ chức ngân hàng cung cấp tín dụng.

**2.3 Khó khăn về nhân sự:** Trong năm Công ty có nhiều sự biến động về nhân sự, đặc biệt trong Quý III, một số cán bộ chủ chốt của Công ty chuyển công tác, một số xin nghỉ việc để được hưởng chế độ chính sách BHXH.

## **II/ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.**

**1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu theo kế hoạch ĐHCĐ năm 2017 giao.**  
(Có bảng Phụ lục chi tiết đính kèm)

### **2. Đánh giá các mặt hoạt động.**

Trong những tháng đầu năm 2017 Công ty gặp nhiều khó khăn trở ngại, nhưng nhờ sự cố gắng quyết tâm phấn đấu của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên cùng với việc nắm bắt và vận dụng các cơ hội, thông tin thị trường để thực hiện tốt chương trình Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ. Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề lâu năm, có kinh nghiệm về Ngành cơ khí đóng tàu nên có những giải pháp sản xuất để tăng năng

suất lao động, tiến độ thi công được đẩy mạnh, đảm bảo kịp thời đúng thời gian bàn giao, quyết toán các công trình hoàn thành theo đúng tiến độ giải ngân của Ngân hàng và chủ đầu tư. Chất lượng các công trình đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, được chủ đầu tư và cơ quan đăng kiểm nghiệm thu chất lượng. Đặc biệt là trong cuối Quý 3, Quý 4, Công ty phải hoàn thành bàn giao cùng một lúc 02 con tàu trong thời gian 3,5 tháng.

Năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 tuy không đạt chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận do ĐHCĐ đề ra nhưng Công ty cũng đã đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể như sau:

## **2.1 Đánh giá về sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.**

### **a) Lĩnh vực sản xuất đóng, sửa tàu thuyền.**

#### **a.1/ Sản xuất**

- Đóng tàu vỏ thép: Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong việc ký kết đóng tàu vỏ thép theo chương trình Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ vì sự cố chung của Ngành về chất lượng đối với tàu cá vỏ thép đóng mới tại miền Trung. Trong năm Công ty đã cố gắng ký được 03 hợp đồng đóng mới tàu vỏ thép theo Nghị định 67 tại các tỉnh Quảng Bình, đảo Phú Quý, Phan Thiết và 01 hợp đồng đóng tàu vỏ sắt vận tải nhỏ.

Số lượng tàu thuyền hoàn thành và bàn giao trong năm là **05 chiếc** đạt 100%KH, trong đó có 01 chiếc ký hợp đồng 2016, hoàn thành bàn giao Q.3/2017; 04 chiếc tàu ký hợp đồng năm 2017, hoàn thành và bàn giao Quý IV/2017 (tháng 12/2017).

- Đóng tàu vỏ composite: Kế hoạch ĐHCĐ đề ra là đóng mới 01 tàu vỏ composite trị giá 13 tỷ đồng. Trong năm, Công ty cũng đã cố gắng tìm kiếm đẩy mạnh việc tiếp thị đóng mới tàu vỏ composite, nhưng hiện chưa có khách hàng đóng tàu.

Khách hàng ở lĩnh vực này chủ yếu là gia công vỏ ca nô, xuồng bằng vật liệu composite, với giá trị nhỏ khoảng từ 100 đến 300 triệu đồng.

a.2/ Doanh thu đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và gia công cơ khí năm 2017 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đạt: **87,5 tỷ đồng**

Doanh thu thực về đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và gia công cơ khí năm 2017 của Công ty là **57,500 tỷ đồng**, đạt 82%KH và bằng 27% so với thực hiện năm 2016.

Nguyên nhân có sự chênh lệch với Báo cáo tài chính là do: Theo quy định của Ngân hàng năm 2017, khi ký kết hợp đồng đóng mới tàu cá với ngư dân theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ, Ngân hàng yêu cầu đơn vị thi công khi thực hiện xong phải quyết toán chung toàn bộ con tàu bao gồm phần vỏ, lưới, các máy móc trang bị thiết bị trên tàu. Công ty chỉ đóng mới hoàn thiện phần vỏ tàu, còn các trang thiết bị, lưới, máy móc trên tàu sẽ do chủ tàu quyết định mua lắp đặt và nhờ Công ty đứng tên quyết toán, vì vậy có phần doanh thu, chi phí tăng thêm.

*Trong đó:*

- Doanh thu đóng mới tàu vỏ thép: 51,023 tỷ đồng, đạt 98% KH, bằng 25% so với năm 2016.

- Doanh thu sửa chữa tàu và dịch vụ lên xuống triền đà: 5,078 tỷ đồng, đạt 100%KH và bằng 175% so với năm 2016.

Nguyên nhân tăng so với năm 2016 do: Cuối năm 2016, Công ty ký hợp đồng thực hiện sửa chữa lớn 02 tàu Đá Tây của Công ty công ích, thực hiện chuyển tiếp sang năm 2017 và sửa chữa 01 tàu DVHC vỏ thép BTh.

Bên cạnh đó, do gặp khó khăn trong việc ký các hợp đồng đóng mới theo chương trình Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ, nên Công ty đã đẩy mạnh tiếp thị, tìm kiếm các khách hàng cũ truyền thống và khách hàng mới về Công ty để sửa chữa, gia công cơ khí, gia công vỏ cano, xuống bằng vật liệu composite và làm dịch vụ lên xuống triền.

Mặc dù trong năm Công ty chưa có khách hàng đóng tàu bằng vật liệu vỏ composite như Công ty vẫn có những khách hàng yêu cầu gia công đóng vỏ ca nô, xuống, phao bè bằng vật liệu composite. Doanh thu đạt 1,399 tỷ đồng.

**b) Đánh giá về lĩnh vực kinh doanh kho bãi và dịch vụ cầu cảng:** Doanh thu đạt 9,954 tỷ đồng, bằng 74%KH và bằng 76% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân giảm: Do doanh thu lĩnh vực kinh doanh cầu cảng giảm nên kéo theo tổng doanh thu kinh doanh ở lĩnh vực này giảm theo, cụ thể

*b.1) Kinh doanh cho thuê kho, bãi, nhà xưởng* trong năm vẫn ổn định, đạt hiệu quả 100% công suất, tương ứng 10.982 m<sup>2</sup> và có xu hướng tăng doanh thu so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân tăng: do trong năm Công ty đã điều chỉnh giá thuê mặt bằng kho, bãi và điều chỉnh tăng các phí dịch vụ điện, nước... theo mức tăng của nhà nước.

Doanh thu kinh doanh kho, bãi và các dịch vụ kèm theo năm 2017 đạt: 8,595 tỷ đồng, bằng 123%KH, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2016.

*b.2) Kinh doanh dịch vụ cầu cảng:* Doanh thu cho thuê cầu cảng năm 2017: 1,359 tỷ đồng, đạt 21%KH và bằng 22% so với năm 2016;

Lý do giảm sút mạnh ở lĩnh vực này là do:

Từ tháng 01 đến tháng 07, việc kinh doanh dịch vụ khai thác cầu cảng của Công ty hầu như chỉ hoạt động cầm chừng, lượng hàng vận tải giảm sút cùng với việc xuống cấp của cầu cảng. Đặc biệt từ ngày 13/6/2017 Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản yêu cầu Công ty phải ngưng khai thác do chưa có kết quả kiểm định đồng thời đề nghị Công ty lên phương án sửa chữa và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của 02 cơ quan trên mới được khai thác tiếp. Công ty cũng đã xây dựng phương án dự kiến sửa chữa chi phí khoảng 01 tỷ đồng, nếu tính cả chi phí nạo vét cầu cảng, Công ty phải mất khoảng 3,5 tỷ đồng trong điều kiện tài chính của Công ty hiện nay là không khả thi. Mặt khác các thiết bị cơ giới quá cũ kỹ thường xuyên hư hỏng cùng với việc bị ảnh hưởng tải trọng của cầu trắng rất lớn. Vì vậy Doanh thu 7 tháng đầu năm Kinh doanh dịch vụ cầu cảng không đủ bù đắp các chi phí nhân công, khấu hao máy móc thiết bị, nhiên vật liệu ..., cụ thể như sau:

+ Doanh thu từ 01/01 đến 30/7/2017	: 759 triệu đồng.
+ Chi phí từ 01/01 đến 30/7/2017	: 1.546 triệu đồng.
+ Lợi nhuận	: lỗ 787 triệu đồng.



Với tình hình khó khăn như trên, HĐQT đã cùng Ban điều hành tìm giải pháp để khắc phục khó khăn, cắt giảm lỗ. Ban điều hành Công ty đưa ra phương án cho Người lao động Công ty thuê (cụ thể là Bộ phận bốc xếp, khai thác cảng) hoặc cho đối tác ngoài thuê. Mức giá cho thuê được tính toán dựa trên giá thuê đất + chi phí khấu hao.

Công ty đã xin ý kiến và trình HĐQT phương án cho thuê và được sự đồng ý. Trong quá trình tìm đối tác thuê, Công ty đã đưa ra nhiều mức giá khác nhau chào mời khách hàng thuê nhưng chỉ có đơn vị đang thuê của Công ty hiện nay đồng ý thuê và thuê với mức giá 120 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm VAT). Hiện giá thuê này chỉ để cắt lỗ của bộ phận cảng. Doanh thu thuê cầu cảng từ tháng 8 đến 31/12/2017 là 600 triệu đồng.

## **2.2. Đánh giá về hiệu quả sản xuất kinh doanh.**

### **a) Tổng doanh thu:**

Tổng doanh thu thực hiện trong năm trên báo cáo tài chính: **99,703 tỷ đồng** (bao gồm cả doanh thu thu hộ của chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ).

**Tổng doanh thu thực tế năm 2017 của Công ty: 69,702 tỷ đồng** đạt 83%KH, bằng 31% so với năm 2016. Gồm:

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: 67,589 tỷ đồng

Trong đó: + Doanh thu đóng, sửa tàu thuyền: 57,500 tỷ đồng  
+ Doanh thu DV kho, cầu cảng: 9,954 tỷ đồng  
+ Doanh thu khác (thanh lý, bán phế liệu...): 0,135 tỷ đồng

- Doanh thu tài chính (lãi tiền gửi NH): 0,593 tỷ đồng

- Ngoài ra Công ty có khoản doanh thu khác (thu nhập khác) từ hoàn nhập trích dự phòng chi phí sửa chữa bảo hành tàu đóng mới năm 2016: 1,520 đồng.

**b) Tổng chi phí thực hiện trên báo cáo tài chính: 105,029 tỷ đồng** (bao gồm cả chi phí hộ chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ).

**Tổng chi phí thực tế năm 2017 của Công ty: 75,029 tỷ đồng**, bằng 94%KH và bằng 34% so với cùng kỳ năm 2016.

Trong đó:

- Chi phí giá vốn hàng bán (không bao gồm chi phí lương): 54,590 tỷ đồng bằng 91%KH và bằng 28% so với năm 2016.

- Chi phí bán hàng: 0,41 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch và bằng 153% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân tăng, do trong năm khi được HĐQT thống nhất phương án cho thuê cầu cảng để cắt giảm một phần lỗ. Một bộ phận công nhân cảng, cơ giới nghỉ việc, phát sinh chi phí trả trợ cấp thôi việc.

- Chi phí quản lý: 1,787 tỷ đồng, tăng 98% so với kế hoạch và tăng 85% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân tăng do một số CBCNV bộ phận văn phòng Công ty xin nghỉ việc theo chế độ để hưởng chế độ ưu đãi theo Luật BHXH áp dụng 01/01/2018, phát sinh chi phí trả trợ cấp thôi việc.

**c) Lợi nhuận trước thuế:**

- Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng: **lãi 3,172 tỷ đồng.**

- Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng: **lỗ 5,327 tỷ đồng.**

**2.3** Nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước: Trong năm Công ty đã nộp NSNN 6,420 tỷ đồng, trong đó nộp thuế đất là 3,568 tỷ đồng.

**2.4** Trích dự phòng sửa chữa, bảo hành tàu cá năm 2017: 0,586 tỷ đồng. Theo quy định, khoản trích này hết thời hạn bảo hành nếu không dùng hết cho việc bảo hành những con tàu đã hoàn thành trong năm 2017 sẽ được hoàn nhập lại thu nhập trong năm 2018. Dự kiến hoàn nhập trích dự phòng khoảng 300 triệu đồng.

**2.5** Về hoạt động tài chính: Ngoài hoạt động đảm bảo cân đối nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính từ các năm trước để lại. Năm 2017, công ty đã trả nợ Ngân hàng 3,098 tỷ đồng.

Các tồn tại về tài chính nhất là công nợ khó đòi tuy đã được Công ty xử lý trích dự phòng nhưng vẫn làm ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty về sự mất cân đối nguồn vốn, khả năng thanh toán thấp...

**2.6** Về công tác tổ chức cán bộ: Năm 2017, nhân sự Công ty có nhiều sự thay đổi và biến động, cụ thể:

- Tổng giám đốc và Kế toán trưởng cũ xin nghỉ vì lý do cá nhân, Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng mới.

- Công ty ký chấm dứt hợp đồng với toàn bộ người lao động tại bộ phận điều độ, dịch vụ bốc xếp cảng, giới thiệu người lao động ký hợp đồng lao động mới với đơn vị thuê cầu cảng.

- Một số Người lao động Công ty xin nghỉ việc để hưởng chế độ ưu đãi theo Luật BHXH cũ.

- Tuyển dụng, bố trí sắp xếp lại nhân sự để đảm bảo, phù hợp cho sản xuất.

**2.7** Về các tồn tại trên Báo cáo tài chính của Công ty đến 31/12/2017.

a) Hiện các khoản lỗ lũy kế của Công ty trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán đến ngày 31/12/2017 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là: 108,889 tỷ đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 126,793 tỷ đồng.

Đây là những khoản nợ vay tài chính tồn tại từ nhiều năm trước làm Công ty mất khả năng thanh toán và làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

Hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

b) Hàng hóa tồn kho chưa thanh lý đến ngày 31/12/2017: 3,713 tỷ đồng. Đây là hàng hóa tồn kho Công ty nhập về để lưu trong kho đã lâu (lưu kho từ ngày 11/5/2012),

chủ yếu là phụ tùng, động cơ và máy phát điện.... Hiện thị trường rất khó tiêu thụ những loại máy móc này vì đã hết model sử dụng. Nếu Công ty bán nguyên lô, giá trị rất thấp và không có khách hàng chịu mua hết. Nếu bán lẻ, khách hàng sẽ lựa chọn một số máy móc phụ tùng còn sử dụng được, còn lại các loại khác sẽ không bán được. Vì vậy Công ty không định giá được giá trị thật của hàng hóa tại thời điểm lập báo cáo để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

c) Công nợ tài chính ngắn hạn quá hạn tồn đọng từ các năm trước đến 31/12/2017 là: Nợ gốc: 67,130 tỷ đồng ; Nợ lãi: 62,391 tỷ đồng. Trong đó:

c.1) Khoản vay nợ ngắn hạn (đã quá hạn) tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp.Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay ngắn hạn số 38/20011/HĐTD-DNL ngày 09/09/2011 với hạn mức vay 40 tỷ đồng. Số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2017 là 19,069 tỷ đồng.

Mục đích vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo số tiền vay nêu trên là Quyền sử dụng đất diện tích 3.514,4m<sup>2</sup> tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu và quyền sử dụng đất tại tỉnh Trà Vinh với 26 thửa đất, diện tích đất 85.244 m<sup>2</sup>.

+ Đối với Quyền sử dụng đất diện tích 3.514,4m<sup>2</sup> tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu: căn cứ đơn kiện của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Tp.Hồ Chí Minh tại Tòa án nhân dân Quận 7. Tòa án dân sự Quận 7 đã xử kê biên tài sản và bán đấu giá tài sản thành công với số tiền là: 5,810 tỷ đồng vào ngày 27/02/2018. Căn cứ theo quy định tại Điều 47 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, Chi cục thi hành án dân sự sẽ tiến hành thanh toán tiền bán đấu giá tài sản của Công ty cho Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh 1 thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty phải nộp các khoản chi phí như án phí (75,618 triệu đồng), chi phí bán đấu giá, chi phí thẩm định giá, chi phí kê biên ... và các khoản thuế theo quy định của nhà nước.

+ Đối với Quyền sử dụng đất 26 thửa đất, tương ứng 85.244m<sup>2</sup> tại huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh: Trên báo cáo tài chính Công ty đang ghi nhận giá trị tài sản cố định vô hình là 4,045 tỷ đồng.

*“Ý kiến kiểm toán ngoại trừ cho rằng đây là tài sản của Công ty nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành”*

Về ý kiến nêu trên, Công ty giải trình như sau: Nguồn gốc giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là do Công ty thu hồi nợ từ Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long (bao gồm 26 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại thời điểm đó, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều mang tên cá nhân và việc chuyển sở hữu sang tên Công ty gặp nhiều khó khăn. Do đó, tại Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15/2/2012 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghiệp Thủy sản thống nhất ủy quyền cho Ông Nguyễn Văn Tân và Ông Trần Văn Khuynh đại diện Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng với Công ty CP Aquafeed Cửu Long. Ông Nguyễn Văn Tân và ông Trần Văn Khuynh đã làm giấy cam kết về việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cá nhân hai ông đứng tên đều là Tài sản thuộc Quyền sở hữu của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản được Hội đồng

quản trị công ty đã ủy quyền đứng tên thay Công ty, không có quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt tài sản nêu trên.

c.2) Vay nợ ngắn hạn quá hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh: Ngày 01/7/2011, Công ty ký Hợp đồng vay thế chấp số 1700-LAV-200300133 với Ngân hàng với hạn mức vay 72 tỷ đồng. Số dư nợ đến ngày 31/12/2017 là 48,061 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu... Tài sản đảm bảo tiền vay là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (bản chính) của thửa đất 20.731,4m<sup>2</sup> tại số 10F nay là số 244 Bùi Văn Ba, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn của Công ty: Các khoản đầu tư dài hạn đến 31/12/2017 trên báo cáo tài chính là 12,801 tỷ đồng. Công ty đã trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn là 7,912 tỷ đồng. Riêng đối với khoản đầu tư dài hạn của Công ty vào Công ty cổ phần Biển Tây: 4,835 tỷ đồng, hiện Công ty chưa có cơ sở xem xét để trích lập dự phòng khoản đầu tư này vì từ nhiều năm nay, công ty chưa nhận được báo cáo tài chính từ đơn vị này.

## **Phần 2** **CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.**

### **I/ Hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT).**

**1. Tổng kết các cuộc họp HDQT và các Nghị quyết/ quyết định được ban hành trong năm 2017.**

**1.1 Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị:**

<b>TT</b>	<b>Số Nghị quyết/ Quyết định</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Nội dung</b>
1	05/NQ-HDQT-CNTS	09/01/2017	Thông qua Biên bản họp HDQT về phụ cấp lương tháng 13/2016 và chỉ định lại thư ký HDQT, thù lao thư ký.
2	28/NQ-HDQT-CNTS	22/3/2017	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông cuối cùng có quyền biểu quyết ĐHĐCĐ năm 2017
3	46/NQ-HDQT-CNTS	05/4/2017	Thông nhất ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2017 và chương trình ĐH.
4	67/NQ-ĐHĐCĐ-CNTS	27/4/2017	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
5	77/NQ-HDQT-CNTS	10/5/2017	Thông qua báo cáo SXKD, báo cáo tài chính Q.1/2017; tổ chức phân công nhiệm vụ các TV HDQT và bổ nhiệm tổng giám đốc mới
6	160/NQ-HDQT-CNTS	22/7/2017	Thông qua Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Quy chế tổ

			chức hoạt động của HĐQT, Quy chế phân phối thu nhập của NLD và NQL Công ty ...
7	187/NQ-HĐQT-CNTS	08/8/2017	Thông qua Phương án kinh doanh, khai thác cầu cảng, bến bãi của Cty.
8	215/NQ-HĐQT-CNTS	23/8/2017	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm kế toán trưởng Công ty.
9	248/NQ-HĐQT-CNTS	20/9/2017	Thông qua nội dung và ban hành Quy chế tài chính Công ty
10	282/NQ-HĐQT-CNTS	31/10/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng 2017, báo cáo tài chính 9T/2017; Trình xin chuyển nhượng vốn góp Công ty vào Công ty TNHH Tư vấn Biển Đông....

## 1.2 Tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên HĐQT trong năm 2017.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham gia
1. Ông Thái Bá Nam	Chủ Tịch HĐQT	10/10	100	
2. Ông Nguyễn Bảy	TV HĐQT	10/10	100	
3. Ông Trương Tùng Hưng	TV HĐQT kiêm P.TGD	10/10	100	
4. Ông Phan Ngọc Chúc	TV HĐQT	4/10	40	Không tham gia HĐQT kể từ khi ĐHCĐ thường niên năm 2017.
5. Ông Đỗ Trung Chuyên	TV HĐQT	9/10	90	Bận công tác
6. Ông Mai Xuân Phong	TV HĐQT kiêm TGD	6/10	60	04 buổi họp đầu không tham gia vì chưa tham gia HĐQT Công ty

## 1.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và mọi mặt hoạt động của Công ty.

**1.4** Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

**2. Thù lao của Hội đồng Quản trị:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi, trả đầy đủ các khoản thù lao của HĐQT.

<b>TT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Thù lao đồng/tháng</b>	<b>Cả năm (đồng)</b>
1	Ô.Thái Bá Nam	Chủ tịch	5.000.000	60.000.000
2	Ô.Mai Xuân Phong	Thành viên mới	3.000.000	24.000.000
3	Ô. Phan Ngọc Chúc	Thành viên cũ	3.000.000	12.000.000
4	Ô. Nguyễn Bảy	Thành viên	3.000.000	36.000.000
5	Ô.Trương Tùng Hưng	Thành viên	3.000.000	36.000.000
6	Ô. Đỗ Trung Chuyên	Thành viên	3.000.000	36.000.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>204.000.000</b>

**3. Đánh giá hoạt động của HĐQT.**

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong việc quản lý công ty và giám sát hoạt động của Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị đã kịp thời xử lý và giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc theo đúng thẩm quyền, tạo thuận lợi cho công tác điều hành công ty.

- Cơ bản tổ chức họp HĐQT hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để xử lý các công việc đột xuất đúng định kỳ, trình tự thủ tục theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, đảm bảo hiệu lực quản lý Công ty.

**II/ Hoạt động điều hành công ty.**

**1. Cơ cấu tổ chức điều hành Công ty:** Ban điều hành công ty gồm Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Trong đó, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc là thành viên HĐQT Công ty.

**2. Đánh giá hoạt động điều hành Công ty.**

**2.1** Về tổ chức sản xuất kinh doanh: Ban Tổng giám đốc đã điều hành tốt các hoạt động SXKD của Công ty trong 2 lĩnh vực là cơ khí đóng, sửa tàu thuyền và kinh doanh kho bãi, dịch vụ cầu cảng. Đặc biệt là đã tận dụng tốt cơ hội đóng tàu đánh cá cho ngư dân theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, phát huy tốt các lợi thế cạnh tranh khi xảy ra các sự cố chung của Ngành về chất lượng đối với tàu cá vỏ thép đóng mới tại miền Trung. Hầu hết các công ty ngành cơ khí đóng tàu cá trong năm 2017 đều không ký được hợp đồng, họ chỉ duy trì đóng tiếp các hợp đồng cũ đã ký năm 2016 thì Công ty vẫn cố gắng ký được 03 hợp đồng mới đóng tàu vỏ thép theo Nghị định 67 của Chính

phủ tại các tỉnh Quảng Bình, đảo Phú Quý, Phan Thiết và 01 hợp đồng đóng tàu vỏ sắt vận tải nhỏ chứng tỏ uy tín, tay nghề của Công ty trong Ngành thủy sản và ngư dân. Việc sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tốt các chỉ tiêu về chất lượng, sản lượng và hiệu quả nếu không tính đến chi phí trả lãi vay trong năm (đây là chi phí ngoại trừ vì không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty).

**2.2 Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh:** Sử dụng có hiệu quả các tài sản của Công ty vào sản xuất kinh doanh, không để tài sản hư hỏng, thất thoát hoặc không được khai thác sử dụng. Tổ chức thanh lý các tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kinh doanh. Chủ động tìm kiếm nguồn vốn lưu động không để sản xuất bị đình trệ vì thiếu vốn.

Thực hiện đúng các cam kết của Công ty với các ngân hàng về thanh toán các khoản nợ xấu.

**2.3 Về công tác tổ chức cán bộ:** Trong năm Ban điều hành Công ty đã chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp .... của Công ty.

Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

Trong năm vừa qua điều kiện làm việc và thu nhập người lao động ổn định. Tổng quỹ lương thực hiện năm 2017 là: 8,173 tỷ đồng, bằng 95% KH và bằng 71% so với thực hiện năm 2016. Thu nhập bình quân người lao động đạt: 7.200.000 đồng/người/tháng.

**2.4 Về thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và HĐQT, Tổng giám đốc** đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐH đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT theo đúng nghĩa vụ và quyền hạn. Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo định kỳ.

### **Phần 3**

## **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2018.**

### **I/ Dự báo tình hình kinh tế và thị trường.**

Việc sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 là dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn trên tất cả lĩnh vực, cụ thể:

+ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ đã hết hiệu lực, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Với những quy định tại Nghị định 17/2018/NĐ-CP của Chính phủ vừa mới ban hành thì việc đóng tàu đánh cá vỏ thép năm nay sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm hợp đồng đóng mới. Dự kiến doanh số và số lượng đóng mới tàu cá trong năm 2018 đạt được sẽ thấp hơn năm 2017 và thấp hơn nhiều so với năm 2016.

+ Các chỉ số về tài chính của Công ty do hậu quả của các năm trước để lại cộng với việc Công ty không có sẵn tiềm lực về kinh tế đang là một trở ngại lớn cho Công ty.

+ Đối với thị trường dịch vụ cầu cảng và cho thuê kho bãi: Mặc dù kinh tế trong nước ổn định, nhưng không có bước tăng mạnh mẽ về thương mại và lưu thông nên dịch vụ cầu cảng và kho bãi của Công ty chỉ bằng hoặc cũng có thể tăng không đáng kể so với năm 2016.

### **II/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.**

#### **1. Các chỉ tiêu phân đầu**

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính Công ty của năm 2017 và dự báo thị trường trong thời gian sắp tới Công ty sẽ còn gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực gia công cơ khí, đóng mới tàu thuyền, nhất là lĩnh vực đóng mới tàu đánh cá vỏ thép. Do vậy Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, như sau:

#### **1.1. Xác định mục tiêu kế hoạch**

- Cơ khí đóng sửa tàu thuyền: Khả năng đấu thầu cạnh tranh để tham gia đóng tàu giữa các đơn vị cùng Ngành là không thể; vì vậy năm 2018, Công ty tiếp tục đẩy mạnh khâu tiếp thị và tìm kiếm khách hàng lên đà sửa chữa, bảo dưỡng tàu đánh cá vỏ thép, tìm kiếm khách hàng có tiềm lực thực sự đóng mới tàu đánh cá vỏ thép theo Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (nếu có); Tập dụng thế mạnh về đóng mới tàu cá bằng vật liệu vỏ composite, gia công vỏ ca nô, xuồng, phao bè.

- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho, bãi, cầu cảng: Trong năm 2017, Công ty đã khai thác tốt đa công suất cho thuê mặt bằng, kho, bãi, cầu cảng. Năm 2018, tiếp tục duy trì những khách hàng đã và đang thuê đồng thời Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh tốt hơn để bù đắp doanh thu.



## **1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.**

- Sản xuất đóng mới tàu thuyền: 03 chiếc (trong đó 02 tàu vỏ sắt)
- Tổng doanh thu : 43,29 tỷ đồng
- Tổng chi phí : 49,97 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế:
  - + Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay: 1,52 tỷ đồng.
  - + Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay: (6,68 tỷ đồng).

### **\* Các chỉ tiêu khác:**

- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra cháy nổ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, làm thất thoát tài sản, xây dựng nếp sống văn minh lịch thiệp, không có người vi phạm kỷ luật.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, hưu trí, ốm đau, thai sản cho người lao động, giữ gìn cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp, duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ CNVC toàn Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính về công nợ, hàng tồn kho, quản trị rủi ro đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.
- Thực hiện và triển khai sản xuất theo chỉ đạo của HĐQT.

## **2. Các giải pháp thực hiện:**

- Chú trọng phát triển yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu xây dựng phương án, giải pháp, sáng kiến nhằm cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phát huy thế mạnh, tạo vị thế nhất định, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền nói chung, đặc biệt là đóng, sửa tàu thuyền phục vụ cho Ngành thủy sản. Khai thác có hiệu quả nhất các nguồn lực và tài sản hiện có.
- Áp dụng các quy chế chi tiêu nội bộ và tiền lương, thưởng hợp lý để thu hút lao động có trình độ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.
- Bám sát và tiếp cận các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản, ngành giao thông (biển, nội địa); đặc biệt là các chính sách trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền.
- Giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất đảm bảo, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả các khách hàng trong và ngoài khu vực...

## **III/ Nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản trị, điều hành công ty trong năm.**

### **1. Đối với HĐQT Công ty.**

- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2018 theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng tới kế hoạch triển khai của Công ty.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp.

- Phân công nhiệm vụ trong HĐQT để tổ chức giám sát hiệu quả các hoạt động điều hành Công ty.

## **2. Đối với Ban Tổng giám đốc.**

- Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng lĩnh vực kinh doanh, từng công trình đóng tàu và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua.

- Tiếp tục phát huy và làm tốt hơn công tác tiếp cận thị trường đóng tàu đánh cá.

- Quản lý chặt chẽ chi phí đảm bảo hiệu quả kinh doanh và kế hoạch lợi nhuận năm 2018.

- Sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh giản, gọn nhẹ để phát huy năng suất lao động, hiệu quả công việc.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả kinh doanh và công tác quản lý điều hành Công ty trong năm 2017, các chỉ tiêu kế hoạch và giải pháp thực hiện năm 2018. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thảo luận và thông qua.

Trân trọng./

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, TK Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CHỦ TỊCH**



*Chái Bá Nam*

PHỤ LỤC

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018**

ĐVT: Tỷ đồng

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	TH 2016	KH 2017	Thực hiện 2017	KH 2018	So sánh %		
							H17/ TH16	TH17/ KH17	TH18/ TH17
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT</b>								
1	Đóng mới	chiếc	20	6	5	3	25%	83%	60%
	- Đóng tàu vỏ thép	chiếc	20	5	5	2	25%	100%	40%
	- Đóng tàu vỏ composite	chiếc		1		1			
<b>II</b>	<b>TỔNG DOANH THU (1+...+5)</b>	Tỷ đồng	225,08	84,02	99,702	43,29	44%	119%	43%
<b>1</b>	<b>Doanh thu đóng tàu</b>	Tỷ đồng	211,59	70,00	87,500	32,50	41%	125%	37%
1.1	Doanh thu đóng tàu vỏ thép	Tỷ đồng	204,79	52,00	51,023	22,00	25%	98%	43%
	<i>Trong đó: DT chuyển tiếp TH năm 2016 sang năm 2017</i>	Tỷ đồng			6,618				
1.2	Doanh thu đóng tàu vỏ composite	Tỷ đồng		13,00		6,00			
1.3	Doanh thu gia công vỏ ca nô, xuồng, phao bè ... bằng vật liệu FRP	Tỷ đồng	3,9		1,399		36%		
1.4	Doanh thu sửa chữa, gia công cơ khí, lên triển	Tỷ đồng	2,9	5,00	5,078	4,5	175%	102%	89%
1.5	Doanh thu thu hộ chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo NĐ 67/NĐ-CP của Chính phủ	Tỷ đồng			30,00				
<b>2</b>	<b>Doanh thu kinh doanh</b>	Tỷ đồng	13,02	13,42	9,954	9,94	76%	74%	100%
2.1	Doanh thu KDDV cầu cảng (thuê cầu cảng ...)	"	6,12	6,50	1,359	1,44	22%	21%	106%
2.2	Doanh thu KDDV thuê kho bãi...	"	6,9	6,92	8,595	8,50	125%	124%	99%
<b>3</b>	<b>Doanh thu khác (thu nhập từ bán thanh lý, phế liệu, ...)</b>	Tỷ đồng	0,02	0,05	0,135	0,05			
<b>4</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Tỷ đồng	0,45	0,55	0,593	0,50			
<b>5</b>	<b>Thu nhập khác (hoàn nhập trích trước CP bảo hành công trình...)</b>	Tỷ đồng		1,674	1,520	0,30			

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	TH 2016	KH 2017	Thực hiện 2017	KH 2018	So sánh %		
							TH17/ TH16	TH17/ KH17	TH18/ TH17
III	<b>TỔNG CHI PHÍ (1+...+10)</b>	Tỷ đồng	222,7	80,02	105,029	49,97	47%	131%	48%
1	Chi phí giá vốn hàng bán (không bao gồm CP lương)	Tỷ đồng	196,87	60,01	54,590	32,61	28%	91%	60%
2	Chi phí hộ chủ đầu tư đóng tàu vỏ thép theo NĐ 67/NĐ-CP của Chính phủ	Tỷ đồng			30,00				
3	Chi phí lương	Tỷ đồng	11,94	8,96	8,461	6,859	71%	94%	81%
	+ Lương trực tiếp	"	10,352	4,540	4,318	3,965		95%	92%
	+ Lương gián tiếp	"		4,132	3,855	2,606		93%	68%
	+ Thù lao HĐQT, BKS	"	0,288	0,288	0,288	0,288		100%	100%
4	CP nộp BHXH, YT, TN, KPCĐ	"	1,3	1,300	1,264	0,941	97%	97%	74%
5	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,44	0,35	0,41	0,40	100%	117%	98%
6	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	1,1	0,90	1,787	0,94	162%	199%	53%
7	Trích Dự phòng công nợ	Tỷ đồng	2,75						
8	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,41		0,020	0,020			
9	Chi phí tài chính (chi phí lãi vay)	Tỷ đồng	9,19	8,50	8,499	8,2	92%	100%	96%
IV	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	Tỷ đồng	2,378	1,004	(5,327)	(6,68)			
V	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (không bao gồm CP lãi vay)</b>	Tỷ đồng	11,57	9,50	3,172	1,52			

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2018

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá, phân tích của Ban kiểm soát đối với tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty;

Ban kiểm soát báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 như sau:

### I- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

#### 1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017

##### 1.1 Tình hình Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017

a. Tổng tài sản: 67.850.115.466 đồng, bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền:	28.266.788.128 đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	15.425.194.465 đồng
- Hàng tồn kho:	4.591.520.879 đồng
- Tài sản ngắn hạn khác:	497.601.961 đồng
- Tài sản cố định:	13.706.554.225 đồng
- Đầu tư tài chính dài hạn:	4.889.250.613 đồng
- Tài sản dài hạn khác:	473.205.195 đồng

b. Tổng nguồn vốn: 67.850.115.466 đồng, bao gồm:

- Nợ ngắn hạn:	175.574.485.838 đồng
----------------	----------------------

#### Trong đó:

+ Nợ vay ngắn hạn:	67.130.543.044 đồng
+ Phải trả ngắn hạn khác:	79.714.965.921 đồng
+ Phải trả người bán:	25.565.635.592 đồng
+ Các khoản phải trả khác:	3.163.341.281 đồng
- Vốn chủ sở hữu:	(108.889.470.372) đồng

##### 1.3 Ý kiến của Ban kiểm soát đối với BCTC 2017



Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán và lưu ý Công ty về các vấn đề sau:

- Do chưa có cơ sở chắc chắn để đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi nên Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với giá trị hàng tồn kho tồn đọng tại thời điểm cuối năm là 3.713.232.877 đồng;

- Công ty đang ghi nhận Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 4.045.500.000 nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành;

- Các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2017 là 12.801.833.320 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 đồng và chưa xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn này cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2017 của các đơn vị nhận đầu tư.

Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán và lưu ý Cổ đông về khả năng hoạt động liên tục của Công ty do trong Báo cáo tài chính năm 2017 ghi nhận khoản lỗ tích lũy vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 108.889.470.372 đồng và các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 126.793.380.405 đồng

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, ngoại trừ ảnh hưởng của các ý kiến ngoại trừ nêu trên, Báo cáo tài chính năm 2017 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## 2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

### Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		Thực hiện năm 2016	So sánh (%)	
			KH được ĐHĐCĐ thông qua	Thực hiện		KH	TH 2016
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	84,02	99,69	225,08	119%	44%
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	83,02	105,02	222,70	126%	47%
III	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,00	-5,33	2,38	-	-

#### Nhận xét:

Công ty đã không hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 giao đối với chỉ tiêu quan trọng là Lợi nhuận trước thuế bị lỗ 5,33 tỷ đồng; loại trừ khoản chi phí lãi vay không liên quan đến hoạt động SXKD của năm 2017 là 8,5 tỷ đồng thì Lợi nhuận trước thuế của Công ty là 3,17 tỷ đồng.

**II-Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

#### 1. Đối với Hội đồng quản trị

- Số thành viên HĐQT trong năm 2017 hoạt động đầy đủ theo quy định là 05 thành viên. HĐQT thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo đúng điều lệ quy định và quy chế hoạt động của HĐQT

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2017 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;

- Trong năm 2017 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Hội đồng quản trị hay cá nhân các thành viên HĐQT.

## **2. Đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác**

- Ban Tổng giám đốc đã tạo được môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, ổn định trong Công ty;

- Trong năm 2017 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Tổng giám đốc hay cá nhân các cán bộ quản lý khác.

## **III – Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông**

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc và trao đổi với nhau để thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao;

- Các cuộc họp của HĐQT đều có thư mời BKS tham dự, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2017 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát;

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT;

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo;

- Trong năm 2017 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

## **IV – Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

### **1. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2017:**

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017, các Nghị quyết của HĐQT;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Giám sát các hoạt động của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: Các công trình đóng tàu cá vỏ thép theo Nghị định 67, hoạt động khai thác dịch vụ cầu cảng & cho thuê kho bãi, chi phí lương, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí .....

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;



*(Handwritten signature)*

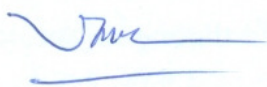
- Trong năm 2017, BKS đã có 4 kỳ làm việc trực tiếp để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2017, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2017.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

## 2. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát trong năm 2017 là 84.000.000 đồng.

Thành viên BKS



Vũ Thị Hồng Gấm

Thành viên BKS



Trương Quỳnh Giao



Nguyễn Thành Trung



**TỜ TRÌNH**  
**Về việc Lựa chọn Công ty Kiểm toán Năm 2018.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2016.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua việc chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản như sau:

- Ủy quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

- Ban kiểm soát sẽ thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.



**NGUYỄN THÀNH TRUNG**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc Thông qua Báo Cáo Tài Chính năm 2017 đã được kiểm toán.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh miền Trung, thành viên RSM quốc tế là Công ty kiểm toán được Bộ Tài Chính và UBCKNN cấp phép.

*(Báo cáo đã được gửi tới các Quý Cổ đông và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty <http://www.seameco.com.vn>).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Chái Bá Nam*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 36

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Thái Bá Nam	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Phong	Thành viên
Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảy	Thành viên
Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thành Trung	Trưởng ban
Bà Trương Quỳnh Giao	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Mai Xuân Phong	Tổng Giám đốc
Ông Trương Tùng Hưng	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam- Chi nhánh miền Trung, thành viên RSM quốc tế.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**CAM KẾT CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 108.889.470.372 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 126.793.380.405 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Mai Xuân Phong**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 40/BCKT/2018-RSMMT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/03/2018 từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Như trình bày tại mục (\*) Thuyết minh 4.6, giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm luân chuyển, có khả năng tiêu thụ thấp tại thời điểm cuối năm là 3.713.232.877 VND. Công ty chưa thực hiện việc đánh giá giá trị thuần có thể thu hồi được của các loại hàng hóa này để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.
- Như trình bày tại mục (\*\*) Thuyết minh 4.9, Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 4.045.500.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

3. Như trình bày tại Thuyết minh 4.10, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2017 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2017 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.5 trong báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31/12/2017 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 108.889.470.372 VND và tài ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 126.793.380.405 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính theo Báo cáo kiểm toán số 0106/2017/BCTC-KTV ngày 25/03/2017.



**Trần Dương Nghĩa**  
**Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1309-2018-026-1

**Nguyễn Hà Trung**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2444-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Chi nhánh miền Trung**  
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>48.781.105.433</b>	<b>59.029.863.326</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>28.266.788.128</b>	<b>14.349.104.323</b>
1. Tiền	111		28.266.788.128	14.349.104.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.425.194.465</b>	<b>32.685.196.125</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	103.170.222.450	115.215.781.067
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	165.316.500	451.680.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	31.743.986.589	36.505.357.724
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(119.654.331.074)	(119.487.622.666)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>4.591.520.879</b>	<b>11.736.601.156</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.591.520.879	11.736.601.156
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>497.601.961</b>	<b>258.961.722</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	497.601.961	258.961.722
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.069.010.033</b>	<b>22.019.963.998</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.730.000</b>	<b>18.130.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	13.730.000	18.130.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.706.554.225</b>	<b>16.344.689.675</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	8.647.049.833	12.299.189.675
Nguyên giá	222		48.715.712.185	50.629.642.216
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.068.662.352)	(38.330.452.541)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	5.059.504.392	4.045.500.000
Nguyên giá	228		6.233.907.050	4.110.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.174.402.658)	(65.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.10</b>	<b>4.889.250.613</b>	<b>4.889.250.613</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.801.833.320	12.801.833.320
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.912.582.707)	(7.912.582.707)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>459.475.195</b>	<b>767.893.710</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	459.475.195	767.893.710
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>67.850.115.466</b>	<b>81.049.827.324</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>176.739.585.838</b>	<b>184.612.342.047</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175.574.485.838</b>	<b>134.127.442.047</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	25.565.635.592	36.413.160.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	370.916.222	354.278.177
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	580.056.078	1.038.611.202
4. Phải trả người lao động	314		905.908.320	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	311.695.000	1.172.456.521
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	79.714.965.921	73.146.183.284
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	67.130.543.044	19.919.543.044
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		586.178.584	1.674.622.515
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		408.587.077	408.587.077
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.165.100.000</b>	<b>50.484.900.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	1.165.100.000	198.900.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	-	50.286.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(108.889.470.372)</b>	<b>(103.562.514.723)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.17</b>	<b>(108.889.470.372)</b>	<b>(103.562.514.723)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		559.410.000	559.410.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.353.000.000)	(1.353.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.162.286.263	4.162.286.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(154.258.166.635)	(148.931.210.986)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(148.931.210.986)	(151.309.384.473)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5.326.955.649)	2.378.173.487
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>67.850.115.466</b>	<b>81.049.827.324</b>



Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Hoàng Thị Tú  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hạnh  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	5.1	97.584.762.638	224.606.047.118
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		97.584.762.638	224.606.047.118
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	89.838.440.969	203.484.866.113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		7.746.321.669	21.121.181.005
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	592.870.529	447.859.409
7. Chi phí tài chính	22	5.4	8.499.289.561	9.191.673.301
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.499.289.561	9.191.673.301
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.721.348.624	3.360.035.584
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	3.945.235.349	6.252.231.132
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.826.681.336)	2.765.100.397
11. Thu nhập khác	31	5.7	1.520.314.686	21.268.146
12. Chi phí khác	32	5.8	20.588.999	408.195.056
13. Lợi nhuận khác	40		1.499.725.687	(386.926.910)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.326.955.649)	2.378.173.487
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.326.955.649)	2.378.173.487
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	(1.311)	585
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	(1.311)	585



Mai Xuân Phong  
 Tổng Giám đốc  
 TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Hoàng Thị Tú  
 Kế toán trưởng

Trần Thị Hạnh  
 Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	109.651.967.366	189.725.631.682
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(84.191.075.522)	(107.718.791.023)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.458.508.432)	(9.819.005.690)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	47.508.415.923	72.201.329.408
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(49.087.121.809)	(133.925.609.438)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.423.677.526</b>	<b>10.463.554.939</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	100.802.076
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	592.870.529	447.859.409
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>592.870.529</b>	<b>548.661.485</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.075.000.000)	(6.473.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.864.250)	(300.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(3.098.864.250)</b>	<b>(6.773.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>13.917.683.805</b>	<b>4.239.216.424</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	14.349.104.323	10.109.887.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>28.266.788.128</b>	<b>14.349.104.323</b>



Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Hoàng Thị Tú  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hạnh  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản tiền thân là Công ty Công nghiệp Thủy sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông (nay là Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam - Công ty Cổ phần – Seaprodex), được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 862/QĐ-BTS ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006087 ngày 12 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 17/05/2017.

Ngày 17 tháng 09 năm 2010, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là SCO.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Việt Nam	19.470.000.000	46,36%	19.470.000.000	46,36%
Vốn góp của các cổ đông khác	Việt Nam	22.530.000.000	53,64%	22.530.000.000	53,64%
<b>Cộng</b>		<b>42.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 65 người (31/12/2016: 85 người).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp. Chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân bổ vào đầu. Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác. Chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản;
- Sản xuất khác chưa phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đầu. Chi tiết: Công nghiệp thực phẩm;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: Sản xuất nước đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng, Kinh doanh vận tải (thủy);
- Khai thác thủy sản biển. Chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Chế biến gỗ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2017 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp ráp tri động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

#### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

#### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

#### 2.5. Giả định hoạt động liên tục

Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 vượt quá vốn pháp định/vốn điều lệ số tiền là 108.889.470.372 VND và có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 126.793.380.405 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2017 không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### 3.3. Nợ phải thu

##### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. [Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính] và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.4. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2017</b>
▪ Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
▪ Tài sản cố định khác	3 - 28 năm

### 3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo thời gian sử dụng hữu ích.

#### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

##### *Quyền sử dụng đất*

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

##### *Phần mềm kế toán*

Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

### 3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa, .... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ: 3 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời gian bảo hiểm trên hợp đồng.

#### **3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **3.10. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

##### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

##### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 3.11. Doanh thu, thu nhập khác

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### 3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### 3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn.

### 3.14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### 3.15. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### **Thuế GTGT**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Đối với hoạt động đóng mới tàu đánh bắt xa bờ: không chịu thuế giá trị gia tăng;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.18. Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	71.076.061	1.374.759.460
Tiền gửi ngân hàng	28.195.712.067	12.974.344.863
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 1-TP. Hồ Chí Minh	54.201.875	4.168.936
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	49.878.786	10.684.186
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	232.534.937	3.300.624.443
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Sài Gòn	27.859.096.469	9.658.867.298
<b>Cộng</b>	<b>28.266.788.128</b>	<b>14.349.104.323</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH DV Vận tải Đông Đô	-	523.476.126
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	91.086.800.435	91.086.800.435
Công ty Cổ phần Biển Tây	5.517.074.662	5.517.074.662
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	2.308.272.667	2.308.272.667
Cty CP Thiết bị Máy Động lực	189.435.983	189.435.983
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.158.480.208	1.158.480.208
Các khách hàng khác	2.910.158.495	14.432.240.986
<b>Cộng</b>	<b>103.170.222.450</b>	<b>115.215.781.067</b>

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần UTC2	45.000.000	-
Võ Xuân Việt	-	399.180.000
Các đối tượng khác	120.316.500	52.500.000
<b>Cộng</b>	<b>165.316.500</b>	<b>451.680.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	4.419.012	-	69.519.470	-
Tạm ứng nhân viên		-	50.760.000	-
Công ty TNHH Vượt Sóng	26.852.123	26.852.123	26.852.123	26.852.123
Công ty Cổ phần Aquafeed	18.423.790.410	18.423.790.410	18.423.790.410	18.423.790.410
Cửu Long				
Công ty Cổ phần Biển Tây	161.778.729	161.778.729	161.778.729	161.778.729
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển tây	214.040.695	214.040.695	214.040.695	214.040.695
Công ty Cổ phần Thiết Bị Máy Động Lực	70.501.000	70.501.000	70.501.000	70.501.000
Công ty cổ phần kỹ thuật xây dựng An Pha	178.395.408	178.395.408	178.395.408	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	12.659.000.000	-	17.284.000.000	-
Phải thu khác	5.209.212	-	25.719.889	-
<b>Cộng</b>	<b>31.743.986.589</b>	<b>19.075.358.365</b>	<b>36.505.357.724</b>	<b>18.896.962.957</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ dài hạn	13.730.000	-	18.130.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.730.000</b>	<b>-</b>	<b>18.130.000</b>	<b>-</b>

**4.5. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	119.654.331.074	-	119.487.622.666	-
<b>Cộng</b>	<b>119.654.331.074</b>	<b>-</b>	<b>119.487.622.666</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<b>Tài khoản 131 "Phải thu khách hàng"</b>	<b>100.578.972.709</b>	-		<b>100.590.659.709</b>	-	
Công ty CP AQUAFEED Cừu Long	91.086.800.435	-	Trên 3 năm	91.086.800.435	-	Trên 3 năm
Công ty CP Biển Tây	5.517.074.662	-	Trên 3 năm	5.517.074.662	-	Trên 3 năm
Chi nhánh Công ty CP Biển Tây	2.308.272.667	-	Trên 3 năm	2.308.272.667	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.158.480.208	-	Trên 3 năm	1.158.480.208	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	508.344.737	-	Trên 3 năm	520.031.737	-	Trên 3 năm
<b>Tài khoản 138 "Phải thu khác"</b>	<b>19.075.358.365</b>	-		<b>18.896.962.957</b>	-	
Công ty TNHH Vượt Sóng	26.852.123	-	Trên 3 năm	26.852.123	-	Trên 3 năm
Công ty CP AQUAFEED Cừu Long	18.423.790.410	-	Trên 3 năm	18.423.790.410	-	Trên 3 năm
Công ty CP Biển Tây	161.778.729	-	Trên 3 năm	161.778.729	-	Trên 3 năm
Chi nhánh Công ty CP Biển Tây	214.040.695	-	Trên 3 năm	214.040.695	-	Trên 3 năm
Công ty CP Thiết bị Máy Động lực	70.501.000	-	Trên 3 năm	70.501.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật xây dựng An Pha	178.395.408	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>119.654.331.074</b>	-		<b>119.487.622.666</b>	-	

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	485.849.754	-	635.440.218	-
Công cụ, dụng cụ	4.360.000	-	-	-
Chi phí SX, KD dở dang	387.390.731	-	7.376.647.152	-
Thành phẩm	687.517	-	6.714.782	-
Hàng hóa (*)	3.713.232.877	-	3.717.799.004	-
<b>Cộng</b>	<b>4.591.520.879</b>	-	<b>11.736.601.156</b>	-

(\*) Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 3.713.232.877 VND.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
- Chi phí sửa chữa	141.464.945	11.175.000
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	25.982.883	62.559.151
- Chi phí khác	330.154.133	185.227.571
<b>Cộng</b>	<b>497.601.961</b>	<b>258.961.722</b>
Dài hạn:		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	140.375.386	71.345.852
- Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	319.099.809	302.097.778
- Chi phí khác	-	394.450.080
<b>Cộng</b>	<b>459.475.195</b>	<b>767.893.710</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	42.738.079.538	2.239.478.620	4.846.281.892	805.802.166	50.629.642.216
Mua trong năm	327.944.519	-	-	-	327.944.519
Thanh lý, nhượng bán	-	(53.467.500)	-	-	(53.467.500)
Giảm do phân loại lại	(2.188.407.050)	-	-	-	(2.188.407.050)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>40.877.617.007</b>	<b>2.186.011.120</b>	<b>4.846.281.892</b>	<b>805.802.166</b>	<b>48.715.712.185</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	32.191.799.448	2.022.563.746	3.732.212.762	383.876.585	38.330.452.541
Khấu hao trong năm	2.230.964.461	128.673.170	336.314.700	266.492.345	2.962.444.676
Thanh lý, nhượng bán	(1.170.767.365)	(53.467.500)	-	-	(1.224.234.865)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>33.251.996.544</b>	<b>2.097.769.416</b>	<b>4.068.527.462</b>	<b>650.368.930</b>	<b>40.068.662.352</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	10.546.280.090	216.914.874	1.114.069.130	421.925.581	12.299.189.675
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>7.625.620.463</b>	<b>88.241.704</b>	<b>777.754.430</b>	<b>155.433.236</b>	<b>8.647.049.833</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.142.657.885 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.639.515.919 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phân mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	4.045.500.000	65.000.000	4.110.500.000
Tăng do phân loại lại	2.188.407.050		2.188.407.050
Giảm khác	-	(65.000.000)	(65.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017 (**)</b>	<b>6.233.907.050</b>	<b>-</b>	<b>6.233.907.050</b>
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2017	-	65.000.000	65.000.000
Khấu hao trong kỳ	3.635.293	-	3.635.293
Khấu hao do phân loại lại	1.170.767.365	-	1.170.767.365
Giảm khác	-	(65.000.000)	(65.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>1.174.402.658</b>	<b>-</b>	<b>1.174.402.658</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	4.045.500.000	-	4.045.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>5.059.504.392</b>	<b>-</b>	<b>5.059.504.392</b>

(\*\*) Tổng giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2017 là 6.233.907.050 VND có giá trị các Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh là 4.045.500.000 VND không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của Công ty. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Trà Vinh đều đứng tên cá nhân chứ không phải tên Công ty.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 5.059.505.392 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác				
Cty CP AQUAFEED Cửu Long	7.203.840.000	7.203.840.000	7.203.840.000	7.203.840.000
Cty CP Biển Tây (***)	4.835.000.000	213.742.707	4.835.000.000	213.742.707
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61	267.993.320	-	267.993.320	-
Cty CP Thiết bị Máy Động lực	445.000.000	445.000.000	445.000.000	445.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.801.833.320</b>	<b>7.912.582.707</b>	<b>12.801.833.320</b>	<b>7.912.582.707</b>

Cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2017 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

(\*\*\*) Chưa nhận được báo cáo tài chính từ nhiều năm nay, theo thông tin tra cứu trên mạng Tổng Cục Thuế thì hiện tại Công ty này đã đóng cửa, ngưng hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nguyễn Hồng Quảng	4.871.400.000	4.871.400.000	-	-
Đào Thị Thanh	4.637.804.240	4.637.804.240	-	-
Nguyễn Tiến Dũng	3.036.800.000	3.036.800.000	-	-
Công ty TNHH DV Máy & ĐC				
Đông Dương	2.258.112.602	2.258.112.602	2.258.112.602	2.258.112.602
Cơ sở dịch vụ tàu thuyền	1.241.640.930	1.241.640.930	5.304.116.900	5.304.116.900
Cơ Sở Hàng Hải Long Hải - Huỳnh Thị Ngọc	-	-	3.785.000.000	3.785.000.000
Xưởng mộc Tuấn An	572.407.129	572.407.129	3.731.456.920	3.731.456.920
Công ty TNHH Hàng hải Thái Dương	-	-	3.449.904.855	3.449.904.855
Các đối tượng khác	8.947.470.691	8.947.470.691	17.884.568.950	17.884.568.950
<b>Cộng</b>	<b>25.565.635.592</b>	<b>25.565.635.592</b>	<b>36.413.160.227</b>	<b>36.413.160.227</b>

**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Huỳnh Ngọc Tiên	130.903.722	250.000.000
Lê Văn Sang	-	23.661.000
Công ty TNHH Du lịch Mắt MeKong	145.000.000	-
Các đối tượng khác	95.012.500	80.617.177
<b>Cộng</b>	<b>370.916.222</b>	<b>354.278.177</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017	Trong năm		Tại ngày 31/12/2017
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	715.930.347	1.921.048.054	2.100.453.539	536.524.862
Thuế thu nhập cá nhân	322.680.855	448.946.795	728.096.438	43.531.212
Thuế nhà đất	-	3.568.305.637	3.568.305.633	4
Các loại thuế khác	-	23.588.359	23.588.359	-
<b>Cộng</b>	<b>1.038.611.202</b>	<b>5.961.888.845</b>	<b>6.420.443.969</b>	<b>580.056.078</b>

**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Phí dịch vụ	2.640.000	31.818.182
Chi phí lương tháng 13	-	426.850.000
Chi phí vật tư, phí cầu, khác của công trình	309.055.000	713.788.339
<b>Cộng</b>	<b>311.695.000</b>	<b>1.172.456.521</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.15. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	174.452.048	230.806.737
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	576.569.169	985.280.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.179.450	49.043.700
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp phải nộp	1.680.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	78.937.085.254	71.881.052.847
<i>Công ty TNHH Mua bán Nợ Việt Nam</i>	<i>15.580.000.000</i>	<i>16.240.000.000</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (lãi vay)</i>	<i>26.745.891.542</i>	<i>22.762.500.981</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp &amp; Phát triển Nông thôn Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (lãi vay)</i>	<i>35.645.318.125</i>	<i>31.129.419.125</i>
<i>Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (SEAPRODEX) - Xem thêm mục 7</i>	<i>943.632.741</i>	<i>1.743.632.741</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>22.242.846</i>	<i>5.500.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>79.714.965.921</u></b>	<b><u>73.146.183.284</u></b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.165.100.000	198.900.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.165.100.000</u></b>	<b><u>198.900.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	19.069.543.044		850.000.000	19.919.543.044
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam	48.061.000.000	-	2.225.000.000	50.286.000.000
<b>Cộng</b>	<b>67.130.543.044</b>	<b>-</b>	<b>3.075.000.000</b>	<b>70.205.543.044</b>

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn được chi tiết như sau

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	67.130.543.044	62.391.209.667	70.205.543.044	53.891.920.106
<b>Cộng</b>	<b>67.130.543.044</b>	<b>62.391.209.667</b>	<b>70.205.543.044</b>	<b>53.891.920.106</b>

i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh

Số hợp đồng	: 38/2011/HĐTD- DNL
Ngày hợp đồng	: 09/09/2011
Hạn mức vay	: 40.000.000.000 đồng
Số dư nợ đến 31/12/2017	: 19.069.543.044 đồng
Hiệu lực của hạn mức	: 12 tháng
Lãi suất	: Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất tại thị trấn Long Điền, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh  
63.610 m<sup>2</sup>

**ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Số hợp đồng : 1700-LAV-200303133  
Ngày hợp đồng : 01/07/2011  
Hợp đồng sửa đổi, bổ sung : 25/09/2014  
Hạn mức vay : 72.000.000.000 VND  
Số dư nợ đến 31/12/2017 : 48.061.000.000 VND  
Ngày đáo hạn : 25/09/2017  
Lãi suất : Theo từng giấy nhận nợ  
Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối nhận thanh toán, bảo lãnh.  
Tài sản đảm bảo : Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1700-LCP-20041239 ngày 02/11/2014.

**4.17. Vốn chủ sở hữu**

**4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2016	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	4.162.286.263	(151.309.384.473)	(105.940.688.210)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.378.173.487	2.378.173.487
Tặng trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2017	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	4.162.286.263	(148.931.210.986)	(103.562.514.723)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(5.326.955.649)	(5.326.955.649)
Tặng trong năm nay	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>559.410.000</b>	<b>(1.353.000.000)</b>	<b>4.162.286.263</b>	<b>(154.258.166.635)</b>	<b>(108.889.470.372)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.470.000.000	46,36%	19.470.000.000	46,36%
Vốn góp của các cổ đông khác	22.530.000.000	53,64%	22.530.000.000	53,64%
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**4.17.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.200.000	4.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	135.300	135.300
- Cổ phiếu phổ thông	135.300	135.300
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.064.700	4.064.700
- Cổ phiếu phổ thông	4.064.700	4.064.700
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu đóng sửa tàu thuyền xí nghiệp đóng tàu	87.495.576.983	211.587.288.405
Doanh thu cung cấp dịch vụ cảng	9.954.170.928	13.018.758.713
Doanh thu khác	135.014.727	-
<b>Cộng</b>	<b>97.584.762.638</b>	<b>224.606.047.118</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn đóng sửa tàu thuyền xí nghiệp đóng tàu	83.101.763.717	194.559.269.243
Giá vốn của dịch vụ cảng đã cung cấp	6.736.677.252	8.925.596.870
<b>Cộng</b>	<b>89.838.440.969</b>	<b>203.484.866.113</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	592.870.529	447.859.409
<b>Cộng</b>	<b>592.870.529</b>	<b>447.859.409</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	8.499.289.561	9.191.673.301
<b>Cộng</b>	<b>8.499.289.561</b>	<b>9.191.673.301</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	2.278.413.709	3.070.918.737
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.141.136	13.921.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.881.373	6.754.148
Chi phí bằng tiền khác	430.912.406	268.441.237
<b>Cộng</b>	<b>2.721.348.624</b>	<b>3.360.035.584</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.168.935.194	2.544.366.977
Chi phí vật liệu quản lý	8.371.685	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.703.536	91.261.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.705.808	122.574.251
Chi phí dự phòng	166.708.408	2.745.002.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.341.797	8.695.065
Chi phí bằng tiền khác	1.276.468.921	740.330.520
<b>Cộng</b>	<b><u>3.945.235.349</u></b>	<b><u>6.252.231.132</u></b>

**5.7. Thu nhập khác**

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	230.000	17.025.295
Lãi chậm thanh toán	-	2.700.000
Thu lãi nợ phải thu chậm trả	-	1.542.851
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm tàu	1.518.645.460	-
Thu nhập khác	1.439.226	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.520.314.686</u></b>	<b><u>21.268.146</u></b>

**5.8. Chi phí khác**

	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>
Phạt chậm nộp thuế	20.588.359	408.195.056
Các khoản khác	640	-
<b>Cộng</b>	<b><u>20.588.999</u></b>	<b><u>408.195.056</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.326.955.649)	2.378.173.487
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	8.903.273.968	9.791.868.357
- <i>Thu lao HDQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>205.000.000</i>	<i>192.000.000</i>
- <i>Lãi vay tạm tính</i>	<i>8.499.289.561</i>	<i>9.191.673.301</i>
- <i>Chi phí không hợp lý khác</i>	<i>178.396.048</i>	
- <i>Phạt vi phạm thuế</i>	<i>20.588.359</i>	<i>408.195.056</i>
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	3.576.318.319	12.170.041.844
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>3.576.318.319</i>	<i>12.170.041.844</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.10. Lãi cơ bản/bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.326.955.649)	2.378.173.487
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.064.700	4.064.700
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.311)</b>	<b>585</b>

**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.396.077.334	139.181.223.740
Chi phí nhân công	8.618.040.090	11.726.821.482
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.966.079.969	2.257.632.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.621.450.557	35.096.522.365
Chi phí khác bằng tiền	7.914.120.571	16.109.337.839
<b>Cộng</b>	<b>89.515.768.521</b>	<b>204.371.538.305</b>

**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty, Ban Tổng Giám đốc phân chia hoạt động của Công ty thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

	Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	9.954.170.928	13.018.758.713	87.630.591.710	211.587.288.405	97.584.762.638	224.606.047.118
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.954.170.928</b>	<b>13.018.758.713</b>	<b>87.630.591.710</b>	<b>211.587.288.405</b>	<b>97.584.762.638</b>	<b>224.606.047.118</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Chi phí bộ phận						
+ Giá vốn	6.736.677.252	8.925.596.870	83.101.763.717	194.559.269.243	89.838.440.969	203.484.866.113
+ Chi phí khác phân bổ	680.027.441	557.152.324	5.986.556.532	9.055.114.392	6.666.583.973	9.612.266.716
Kết quả của bộ phận	2.537.466.235	3.536.009.519	(1.457.728.539)	7.972.904.770	1.079.737.696	11.508.914.289
Doanh thu, Chi phí không phân bổ						
+ Doanh thu tài chính	-	-	-	-	592.870.529	447.859.409
+ Chi phí tài chính	-	-	-	-	8.499.289.561	9.191.673.301
+ Thu nhập khác	-	-	-	-	1.520.314.686	21.268.146
+ Chi phí khác	-	-	-	-	20.588.999	408.195.056
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	(5.326.955.649)	2.378.173.487
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>(5.326.955.649)</b>	<b>2.378.173.487</b>
<b>Các thông tin khác</b>						
	Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	6.921.076.904	4.697.861.697	60.929.038.562	76.351.965.627	67.850.115.466	81.049.827.324
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.921.076.904</b>	<b>4.697.861.697</b>	<b>60.929.038.562</b>	<b>76.351.965.627</b>	<b>67.850.115.466</b>	<b>81.049.827.324</b>
Nợ phải trả của bộ phận	18.028.388.855	10.700.618.115	158.711.196.983	173.911.723.932	176.739.585.838	184.612.342.047
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>18.028.388.855</b>	<b>10.700.618.115</b>	<b>158.711.196.983</b>	<b>173.911.723.932</b>	<b>176.739.585.838</b>	<b>184.612.342.047</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần  
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung

Mối quan hệ

Công ty đầu tư  
Chung nhà đầu tư  
Chung nhà đầu tư  
Chung nhà đầu tư

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	943.632.741	1.743.632.741
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.15</b>	<b>943.632.741</b>	<b>1.743.632.741</b>

Thu nhập của các thành viên chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	664.559.576	777.011.703
Thù lao hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
<b>Cộng</b>	<b>868.559.576</b>	<b>981.011.703</b>

**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương	84.000.000	84.000.000

**9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- +Rủi ro lãi suất
- +Rủi ro tiền tệ
- +Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

#### 10. Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.266.788.128	14.349.104.323
Phải thu của khách hàng	2.591.249.741	14.625.121.358
Phải thu khác	12.677.939.212	17.302.130.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.889.250.613	4.889.250.613
<b>Cộng</b>	<b>48.425.227.694</b>	<b>51.165.606.294</b>
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	25.565.635.592	36.413.160.227
Chi phí phải trả	846.695.000	1.172.456.521
Phải trả khác	80.703.933.873	72.866.332.847
Các khoản vay	67.130.543.044	70.205.543.044
<b>Cộng</b>	<b>174.246.807.509</b>	<b>180.657.492.639</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	67.130.543.044	105.951.164.465	173.081.707.509
Trên 01 năm	-	1.165.100.000	1.165.100.000
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>67.130.543.044</b>	<b>107.116.264.465</b>	<b>174.246.807.509</b>
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	19.919.543.044	110.253.049.595	130.172.592.639
Trên 01 năm	50.286.000.000	198.900.000	50.484.900.000
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>70.205.543.044</b>	<b>110.451.949.595</b>	<b>180.657.492.639</b>

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	67.130.543.044	70.205.543.044

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc  
TP Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Hoàng Thị Tú  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hạnh  
Người lập



# THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

## RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building  
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +84 28 3827 5026  
F +84 28 3827 5027

Ha Noi Office  
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street  
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +84 24 3795 5353  
F +84 24 3795 5252

Central Office  
Floor 3, 142 Xo Viet Nghe Tinh Str., Hoa Cuong Nam Ward,  
Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam

T +84 236 363 3334  
F +84 236 363 3334



Số: 119 /TTr-HĐQT-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2018

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, với các chỉ tiêu chính, như sau:

1. Tổng doanh thu : 43,29 tỷ đồng.
2. Tổng chi phí : 49,97 tỷ đồng.
3. Lợi nhuận trước thuế :

  - Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay: 1,52 tỷ đồng.
  - Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay: - 6,68 tỷ đồng.

**Kế hoạch chi cổ tức:** Năm 2018, Công ty không chia cổ tức

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



*Chái Bá Nam*

Số: 120 /TT-HĐQT-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

V/v thông qua thù lao HĐQT, thù lao BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua chi trả thù lao Hội đồng Quản trị; thù lao Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018, như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, thù lao Ban kiểm soát công ty năm 2017.

TT	Chức vụ	Thù lao	Tổng thù lao
1	Hội đồng quản trị	17.000.000 đ/tháng x 12 tháng	204.000.000đ
2	Ban kiểm soát	7.000.000đ/tháng x 12 tháng	84.000.000đ
<b>Tổng cộng :</b>			<b>288.000.000đ</b>

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, thù lao Ban kiểm soát năm 2018:

TT	Chức vụ	Thù lao	Tổng thù lao
1	Hội đồng quản trị	51.000.000 đ/quý x 4 quý	204.000.000đ
2	Ban kiểm soát	21.000.000đ/quý x 4 quý	84.000.000đ
<b>Tổng cộng :</b>			<b>288.000.000đ</b>

Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị phân phối chi trả thù lao HĐQT, BKS theo quý trong năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Cty.



*Chái Bá Nam*

**TỜ TRÌNH**

**Về việc Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động  
của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Thực hiện theo quy định mới tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính; Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo đúng quy định dành cho công ty đại chúng, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thảo luận thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động được sửa đổi, bổ sung như bản dự thảo Điều lệ đính kèm Tờ trình.

Ủy quyền và giao Người đại diện pháp luật của Công ty ký ban hành, công bố bản Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2018 để thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, TK.Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Chái Bá Nam*

## PHỤ LỤC.

(Đính kèm Tờ trình số 121 /TTr-HĐQT-CNTS ngày 05/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản)

### BẢNG TÓM TẮT NHỮNG THAY ĐỔI CHÍNH CỦA ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI

Điều lệ sửa đổi	Ghi chú
<p><b>Tổng quan Điều lệ sửa đổi bao gồm các nội dung chính như sau:</b></p> <p>I. Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ</p> <p>II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của công ty</p> <p>III. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty</p> <p>IV. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>V. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>VI. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông</p> <p>VII. Hội đồng quản trị</p> <p>VIII. Tổng giám đốc và người điều hành khác</p> <p>IX. Ban kiểm soát</p> <p>X. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác</p> <p>XI. Quyền điều tra sổ sách và Hồ sơ công ty</p> <p>XII. Công nhân viên và Công đoàn</p> <p>XIII. Phân phối lợi nhuận</p> <p>XIV. Tài khoản ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và chế độ kế toán</p> <p>XV. Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin</p> <p>XVI. Kiểm toán công ty</p> <p>XVII. Con dấu</p> <p>XVIII. Chấm dứt hoạt động và thanh lý</p> <p>XIX. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>XX. Bổ sung và sửa đổi điều lệ</p>	<p><b>Nguyên tắc soạn thảo Điều lệ sửa đổi:</b></p> <p>- Bộ cục trình bày và các nội dung chính của Điều lệ sửa đổi được thực hiện dựa theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/09/2017 về việc hướng dẫn công ty đại chúng việc xây dựng Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</p> <p>- Đảm bảo phù hợp với hoạt động của Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định pháp luật hiện hành;</p> <p>- Kế thừa các nội dung chính của Điều lệ cũ.</p>

<p>XXI. Ngày hiệu lực</p> <p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp 2014 (LDN) và Điều lệ mẫu tại Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/09/2017(ĐL) hướng dẫn mức 5%;</p> <p>-Khoản 3 Điều 11 Điều lệ cũ quy định là 10%;</p> <p>- HĐQT đề nghị sửa đổi về mức 5% để phù hợp với LDN &amp; ĐL mẫu và nâng cao quyền của cổ đông.</p>
<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>- Điểm o Khoản 2 Điều 14 Điều lệ cũ quy định mức 20%;</p> <p>- Điều lệ mẫu hướng dẫn mức 35%</p> <p>- HĐQT đề nghị sửa đổi theo hướng dẫn của ĐL mẫu</p>
<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua...</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 16 Điều lệ cũ quy định:</b> tỷ lệ thông qua là 75%;</p> <p>- Điều lệ mẫu hướng dẫn mức 65%</p> <p>- HĐQT đề nghị sửa đổi theo hướng dẫn của ĐL mẫu</p>
<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng</p>	<p><b>Điều 17 điều lệ cũ quy định:</b> “2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiên hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp,</p>

<p>cổ đông được lập không sớm hơn <b>mười (10)</b> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;"</p> <p><i>Lưu ý: LDN và DL mẫu hướng dẫn 05 ngày, LDN cho phép thay đổi, đề xuất 10 ngày cho chủ động trong việc gửi thư mời.</i></p>
<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>...</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p><b>- Khoản 3 Điều 24 Điều lệ cũ quy định:"</b> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ trên 10% đến 30% được đề cử hai thành viên; từ trên 30% đến 50% được đề cử ba thành viên; từ trên 50% đến 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ trên 65% được đề cử đủ số ứng viên."</p> <p>- Điều lệ sửa đổi tương ứng với hướng dẫn của Điều lệ mẫu;</p>
<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p><b>- Khoản 3 Điều 24 Điều lệ cũ quy định:"</b> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là ba (03) năm"</p> <p>- Điều lệ sửa đổi tương ứng với hướng dẫn của Điều lệ mẫu;</p>
<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>...</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>....</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 500.000.000 đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p>	<p><b>- Điểm 1 Khoản 3 Điều 25 Điều lệ cũ quy định HĐQT:"</b>Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty..."</p> <p>- Điều lệ sửa đổi tương ứng với hướng dẫn của Điều lệ mẫu;</p>
<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</b></p>	<p><b>- Khoản 2 Điều 30 Điều lệ cũ quy định:</b> Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 03 năm;</p>





<p>...</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	<p>- Điều lệ sửa đổi tương ứng với hướng dẫn của Điều lệ mẫu;</p>
<p><b>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p>	<p>- Tương tự với quy định ứng cử, đề cử thành viên HĐQT;</p> <p>- Điều lệ sửa đổi tương ứng với hướng dẫn của Điều lệ mẫu.</p>
<p><b>Điều 37. Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>- <b>Khảo 2 Điều 35 Điều lệ cũ quy định:</b> Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của kiểm soát viên là 02 năm;</p> <p>- Điều lệ sửa đổi tương ứng với hướng dẫn của Điều lệ mẫu;</p>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN



*Dự thảo*

**ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

## MỤC LỤC

### PHẦN MỞ ĐẦU

#### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

#### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

#### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

#### IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

#### V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

#### VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

#### VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

## IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

## X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRẢ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

## XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

## XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

## XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

## XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

## XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 49. Báo cáo thường niên

## XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

## XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

## XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Điều 54. Thanh lý

## XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

## XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

## XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

**ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đại hội tổ chức vào ngày 20 tháng 4 năm 2018.

**I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "*Luật doanh nghiệp*" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "*Luật chứng khoán*" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "*Người điều hành doanh nghiệp*" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

j. ...

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

**SEAPRODUCTS MECHANICAL SHAREHOLDING COMPANY**

- Tên Công ty viết tắt: **SEAMECO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : 028.3872 9751

- Fax : 028. 3872 9749

- E-mail : seameco@seameco.vnn.vn

- Website : [www.seameco.com.vn](http://www.seameco.com.vn); www.seameco.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: **Tổng giám đốc.**

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

## **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

### **1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty: Đóng mới, sửa chữa tàu vỏ sắt, gỗ, vật liệu composite; Kinh doanh kho hàng, bến bãi; Kinh doanh dịch vụ cầu cảng.

### **2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:**

- Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản sẽ trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực công nghiệp thủy sản thông qua việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng;
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, gia tăng lợi tức của cổ đông;
- Tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động;
- Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội.

## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

**1.** Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

**2.** Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

**1.** Vốn điều lệ của Công ty là **42.000.000.000 đồng** (bằng chữ: **Bốn mươi hai tỷ đồng**)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.200.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

**2.** Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

**3.** Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.



## **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần** phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

**(Lưu ý: LDN và ĐL mẫu hướng dẫn 5%, Điều lệ cũ 10%)**

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

**1.** Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

**2.** Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

**3.** Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

**4.** Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

**5.** Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**6.** Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

**1.** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông **phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

**2.** Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

**3.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ **35%** trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

***(Lưu ý: DL mẫu hướng dẫn phù hợp với Điều lệ cũ)***

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:**

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

**4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.**

## **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

**1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.**

**2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:**

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ

đồng tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

**3.** Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

**4.** Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

## **Điều 17. Thay đổi các quyền**

**1.** Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ **ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.** Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

**2.** Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập **không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**;

*(Lưu ý: LDN và DL mẫu hướng dẫn 05 ngày, LDN cho phép thay đổi, đề xuất 10 ngày cho chủ động trong việc gửi thư mời)*

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;



- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

**4.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

**5.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

**1.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông **được tiến hành** khi có số cổ đông dự họp đại diện cho **ít nhất 51% tổng số cổ phần** có quyền biểu quyết.

***(Lưu ý: DL mẫu hướng dẫn phù hợp với Điều lệ cũ)***

**2.** Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng **ba mươi (30) phút** kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng **ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định** tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33% tổng số cổ phần** có quyền biểu quyết.

**3.** Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng **hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai**. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có

quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

## **Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51% trở lên tổng số phiếu bầu** của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông **tán thành**:

**(Lưu ý: LDN và DL mẫu hướng dẫn phù hợp với Điều lệ cũ)**

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc **sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty** hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán **được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu** các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho **ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều này;

*(Lưu ý: DL mẫu hướng dẫn chưa đầy đủ các trường hợp và chưa phù hợp với LDN, đề xuất bổ sung thêm khoản 4 được trích dẫn từ khoản 2 Điều 144 LDN)*

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**4.** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

**5.** Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

**6.** Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

**7.** Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm **(15) ngày**, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư **(24) giờ**, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

**8.** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**9.** Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51% tổng số cổ phần** có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

**1.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được **công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ** hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [30] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

*(Lưu ý: LDN và DL mẫu ko hướng dẫn, đề xuất 30 ngày tổ chức họp lại)*

## **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu **mười (10) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được

bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

**2.** Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 5% đến dưới 10%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được **đề cử một (01) ứng viên**; từ **10% đến dưới 30%** được đề cử tối đa **hai (02) ứng viên**; từ **30% đến dưới 40%** được đề cử tối đa **ba (03) ứng viên**; từ **40% đến dưới 50%** được đề cử tối đa **bốn (04) ứng viên**; từ **50% đến dưới 60%** được đề cử tối đa **năm (05) ứng viên**; từ **60% đến dưới 70%** được đề cử tối đa **sáu (06) ứng viên**; từ **70% đến 80%** được đề cử tối đa **bảy (07) ứng viên**; và từ **80% đến dưới 90%** được đề cử tối đa **tám (08) ứng viên**.

**3.** Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

## **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

**1.** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **05 người**. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là **05 năm**. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**2.** Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**3.** Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:



- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

**3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:**

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá **500.000.000 đồng** Việt Nam (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*) hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **mười (10) ngày**.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất **năm (05) ngày** làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất hai (02) người điều hành khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **bảy (07) ngày** làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

**6.** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

**7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi** cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên **ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.** Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

**8.** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

**9.** Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có nhiều nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

**10.** Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

### **11. Biểu quyết**

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**12.** Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

**13.** Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

**14.** Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu

quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

**15.** Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

**1.** Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

**2.** Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

**1.** Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

**2.** Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

**3.** Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

**4.** Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải



được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

**2.** Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm **(05) năm** và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**3.** Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào **ngày 15 tháng 12 hàng năm**, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

*(Lưu ý: DL cũ quy định ngày 31/10, đề xuất ngày 15/12 cho phù hợp)*

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

**5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:**

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 38. Ban kiểm soát**

**1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:**

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.**

**3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu**

hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty

bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (áp dụng trong trường hợp công ty niêm yết, hoặc trở thành công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp).

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (áp dụng trong trường hợp công ty niêm yết, hoặc trở thành công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.



5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 49. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **XVII. CON DẤU**

#### **Điều 51. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 53. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 54. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 56. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 57. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản nhất trí thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

**3.** Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

**4.** Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Số: 122 /TTr-HĐQT-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2018

**TỜ TRÌNH**

**V/v Thông qua nội dung và Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị  
của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Thực hiện theo quy định mới tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính; Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty theo đúng quy định dành cho Công ty đại chúng, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận thông qua toàn văn bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đính kèm Tờ trình.

Ủy quyền và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty ký ban hành và công bố bản Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua ngày 20/4/2018 để thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, TK.Cty.



*Chải Bá Nam*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

---



**Dự thảo**

**QUY CHẾ  
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

**Dự thảo:**

# **QUY CHẾ**

## **NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-ĐHĐCĐ 2018-CNTS ngày 20/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty CP Công nghiệp Thủy sản)**

### **Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Ý nghĩa và những căn cứ pháp lý.**

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty (sau đây viết tắt là “Quy chế”) của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản được xây dựng căn cứ trên các quy định sau:
  - a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
  - c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
  - d. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
  - e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
  - f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản nhằm bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

#### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ.**

1. Chữ viết tắt:
  - a. “Công ty” : Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;
  - b. “Điều lệ” : Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm;
  - c. “ĐHĐCĐ” : Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
  - d. “HĐQT” : Hội đồng quản trị Công ty;
  - e. “BKS” : Ban kiểm soát;

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
    - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
    - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
    - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
    - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
    - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;
  - b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;
  - c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;
  - d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
  - e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc;
  - f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của điều lệ công ty;
  - g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
  - h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ;
  - i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Chương II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ**

### **Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.**

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.



#### **Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.**

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty <http://www.seameco.com.vn>, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông** (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.**

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

#### **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ.**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

## **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51% trở lên tổng số phiếu bầu** của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành:
  - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
  - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
  - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc **sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty** hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ **65% trở lên tổng số phiếu bầu** các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho **ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 điều này;
5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 8. Thông qua kết quả kiểm phiếu.**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể: tổng số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ; Số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

## **Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ (theo Điều 129 Luật doanh nghiệp)**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

## **Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được **công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ** hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật (Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán).

### **Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất **[mười lăm (15)] ngày trước ngày** hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- c. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - Các vấn đề đã được thông qua;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- d. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng **mười lăm (15) ngày**, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông

tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- f. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51% tổng số cổ phần** có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT.**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp, như sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

#### **Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT.**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

### **Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT.**

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.**

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.**

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ công ty.

### **Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu **mười (10) ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực,

chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

## **Chương IV. HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 19. Thông báo họp HĐQT.**

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên **ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp**. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

### **Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT.**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc



họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

### **Điều 21. Cách thức biểu quyết**

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 22. Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT.**

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 23. Ghi Biên bản họp HĐQT.**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản đầy đủ, trung thực. Có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng

Viết và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tịch HĐQT và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị và có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên. Biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

#### **Điều 24. Thông báo Nghị quyết HĐQT.**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các thành viên HĐQT, BKS và các bên có liên quan theo quy định của Điều lệ Công ty.

### **Chương V. KIỂM SOÁT VIÊN**

#### **Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.**

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, như sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác;
3. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
4. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
5. Khi Công ty niêm yết thì Kiểm soát viên Công ty phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Ban kiểm soát.**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 27. Cách thức bầu Ban kiểm soát.**

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

**Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:**
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV.**

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ công ty.

## **Chương VI. CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

**Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Căn cứ vào nhu cầu thực tế, mô hình tổ chức và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT xem xét có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban**

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

## **Chương VII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

### **Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.**

Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp được quy định như sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp cụ thể:
  - a. Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;
  - b. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
  - c. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;
  - d. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
  - e. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;
  - f. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. Không nhất thiết phải là cổ đông của công ty và không nhất thiết phải là thành viên HĐQT Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
3. Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

### **Điều 33. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp.**

Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác điều hành doanh nghiệp phải

được thông qua bằng Nghị quyết Hội đồng quản trị. HĐQT sẽ quyết định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với người điều hành doanh nghiệp.

Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác: Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

#### **Điều 34. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.**

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động và theo quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;**

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1. Không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Doanh nghiệp không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật;
4. Doanh nghiệp không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;
5. Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp;
6. Doanh nghiệp vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật;
7. Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 96 của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quy chế này;
8. Hết thời hạn nhiệm kỳ, hợp đồng lao động;
9. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Việc miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp mới thay thế.

#### **Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

## **Chương VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 37. Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp hoạt động với BKS, TGD**

1. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo bao gồm: chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại các cuộc họp được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
2. Các nghị quyết HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Điều lệ công ty và quy chế này;
3. Khi BKS đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập, HĐQT phải có ý kiến phản hồi theo quy định tại Điều lệ công ty;
4. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.
5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của:
  - Tổng giám đốc;
  - Hai thành viên HĐQT;
  - Đa số thành viên Ban kiểm soát

### **Điều 38. Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD**

1. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Tổng công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, sự phối hợp giữa HĐQT với BKS, BGĐ và cổ đông, các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp/cao nhất của Tổng công ty và các cổ đông.
2. HĐQT, Tổng giám đốc phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, chủ yếu là :
  - Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
  - Biên bản, Nghị Quyết của HĐQT;
  - Báo cáo của Tổng Giám đốc;
  - Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
  - Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính định kỳ hàng năm, 6 tháng và hàng quý của Tổng công ty ;
  - Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
3. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;

4. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc – người điều hành doanh nghiệp, kế toán trưởng công ty) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
5. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý công ty. Tùy vào mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
6. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc thì BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
8. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.
9. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề BKS quan tâm.
10. Căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của BKS, BKS có quyền đề nghị HĐQT xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc.
11. Kiến nghị và/hoặc đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc 6 tháng một lần để trình Chủ tịch HĐQT.
12. BKS có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 39. Tổng Giám đốc trong mối quan hệ phối hợp hoạt động với HĐQT, BKS**

1. Tổng giám đốc là người Đại diện pháp luật Công ty điều hành hoạt động Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.



2. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và cơ quan pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình và phải báo cáo khi có yêu cầu.
3. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ công ty.
4. Báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Tổng công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.
5. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ công ty.
7. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý công ty, Tổng giám đốc gửi HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định.
8. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc và cán bộ điều hành khác trong Công ty.

## **Chương IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 40. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty.**

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty.**

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 42. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.**

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

#### **Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.**

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

#### **Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

### **Chương X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 45. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

## **Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 47. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 48. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **Chương XII. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 49. Ngày hiệu lực**

1. Bản Quy chế này gồm 12 chương 49 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản nhất trí thông qua tại Đại hội ngày 20 tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**  
Số: *123*/TTr-HĐQT-CNTS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày *05* tháng 4 năm 2018

## **TỜ TRÌNH**

**V/v giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số  
226/NHNoHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp  
và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018  
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Ngày 20/11/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Ngân hàng) có công văn số 226/NHNoHCM-XLN, trong đó yêu cầu Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (Công ty) hoàn trả cho Ngân hàng bản chính giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay là Quyết định giao đất số 603/QĐ-UB-QLĐT do UBND Tp.HCM cấp ngày 24/09/1994 (7.001m<sup>2</sup> đất) đính kèm giấy Biên nhận số 174 ngày 02/4/1997.

Trên giấy biên nhận có thể hiện tại ngày 15/10/1997, bà Phạm Thị Phúc – nguyên kế toán trưởng của Công ty Cơ khí Thủy sản (cũ) nay là Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã ký nhận lại Quyết định giao đất.

Sau khi xem xét hồ sơ, Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông như sau:

Do chính sách thay đổi của nhà nước vào những năm 1997-1998, nhà nước đã yêu cầu thu hồi lại các quyết định giao đất đã cấp cho các công ty nhà nước để chuyển sang hình thức thuê đất có thời hạn, trả tiền thuê đất một lần hoặc hàng năm. Theo đó tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1/1aQSĐĐ/12/UB ngày 16/01/1998 do UBND Tp.Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cơ khí Thủy sản III cũ nay là Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản 21.259 m<sup>2</sup> đất được chuyển từ giao đất theo Quyết định số 602/QĐ-UB (14.258m<sup>2</sup>) và Quyết định số 603/QĐ-UB ngày 24/2/1994 (7.001m<sup>2</sup>) sang thuê đất theo Quyết định số 5150/QĐUB-QLĐT ngày 22/9/1997 của UBND Tp.Hồ Chí Minh.

Đến năm 2004, diện tích đất trên còn lại là: 20.731 m<sup>2</sup> theo Quyết định số 4503/QĐ-UB ngày 13/9/2004 của UBND Tp.Hồ Chí Minh, với hợp đồng thuê đất 6953/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/8/2008, thời hạn thuê đất 50 năm (đến 31/12/2045).

Hiện Công ty Công ty chỉ có bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 20.731m<sup>2</sup> nêu trên và không còn lưu giữ bản chính của Quyết



*Dam*

định giao đất số 603/QĐ-UB-QLĐT do UBND Tp.HCM cấp ngày 24/09/1994 (7.001m<sup>2</sup> đất).

Mặt khác, tại Hợp đồng thế chấp tài sản 1700-LCP-200401239 ngày 02/11/2004 giữa Ngân hàng và Công ty chỉ ghi nhận thế chấp tài sản trên đất không đề cập đến Giấy tờ về đất.

Với những lý do nêu trên, ngày 29/01/2018 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 19/NQ-CNTS-HĐQT trong đó có nội dung xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên về yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và PTNT-chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh .

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét cho ý kiến.

Trân trọng./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, TK.Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



*Chải Bá Nam*



Số: 124/TTr-HĐQT-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2018

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Khoản 1 Điều 24 Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi bổ sung của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, ban hành ngày 21 tháng 5 năm 2016: “...Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế...”.

Đề Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới hoạt động hiệu quả, tập trung, tiết kiệm, đúng quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như phù hợp với quy mô vốn điều lệ như hiện nay, song vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị đề xuất số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ mới trình Đại hội cổ đông xem xét, quyết định như sau:

+ Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị: **05** thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: VT, TK HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



*Chai Bá Nam*



**DỰ THẢO**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy Sản;

Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 03 năm 2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) lập và sổ cổ đông Công ty để thực hiện quyền tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy Sản;

Căn cứ Thư mời họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản do Chủ tịch HĐQT ký ngày 05/4/2018;

Hôm nay, lúc 08 giờ ..... phút ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại hội trường lầu 1 Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy Sản, số 244 Bùi Văn Ba – P. Tân Thuận Đông – Quận 7 – TP.HCM, Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản gồm:

- 1/ Ông Nguyễn Thành Trung - Trưởng BKS Công ty, Trưởng ban
- 2/ Bà Lê Thị Hải An - Thành viên
- 3/ Ông Trần Nhật Triết - Thành viên

Đã thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội tại địa điểm tổ chức đại hội. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty: 138 cổ đông, tương ứng với 4.064.700 cổ phần (vì 01 cổ đông là cổ phiếu quỹ 135.300 cổ phần).
- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 138 cổ đông, tương ứng 4.064.700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100%.
  - + Cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội: .....cổ đông, tương ứng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....%.
  - + Cổ đông vắng mặt có ủy quyền: .....cổ đông, tương ứng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....%.
  - + **Tổng số Cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền :.....cổ đông, tương ứng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....%.**

+ Số Cổ đông vắng mặt không ủy quyền : ..... cổ đông tương ứng ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....%.

Theo kết quả đăng ký Đại biểu tham dự Đại hội tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết đã đăng ký dự họp là ..... cổ phần phổ thông , tương ứng .....% trên tổng số ..... cổ phần phổ thông đang lưu hành tại Công ty (>51%).

Căn cứ theo Điều 18.1 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty, ngày 20/4/2018 đủ điều kiện tiến hành tại thời điểm này (Danh sách các cổ đông tham dự Đại Hội đính kèm).

Các thành viên trong ban Kiểm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả tư cách cổ đông nêu trên và cùng ký tên.

Biên bản này được lập lúc....giờ...phút...ngày 20 tháng 4 năm 2018.

### **BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**

**TRƯỞNG BAN**

**THÀNH VIÊN**

**NGUYỄN THÀNH TRUNG**

**TRẦN NHẬT TRIẾT**

**LÊ THỊ HẢI AN**

**DỰ THẢO**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2018

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT  
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản;

Nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được diễn ra theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Ban tổ chức Đại hội xây dựng Quy chế làm việc và thể lệ Biểu quyết của Đại hội với các quy định như sau:

**Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội**

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Tất cả vì quyền lợi của cổ đông SEAMECO.

**Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội**

Cổ đông SEAMECO có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 20/3/2018 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp, có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

**Điều 3. Điều kiện để Đại hội được tiến hành:**

1. Khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của SEAMECO.
2. Cổ đông được bố trí đầy đủ chỗ ngồi thuận tiện để tham dự Đại hội.

**Điều 4. Trật tự của Đại hội**

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, trang nhã.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng và để chuông điện thoại di động ở chế độ im lặng trong suốt thời gian diễn ra Đại hội.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền**

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ SEAMECO và theo quy định của pháp luật.

2. Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải mang theo thư mời, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác và giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký tham dự Đại hội.
3. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký tham dự họp và có quyền biểu quyết các nội dung tiếp theo tại Đại hội. Chủ tọa đoàn không được dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Cổ đông có quyền phát biểu ý kiến trực tiếp hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.
5. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn; không gây rối, gây mất trật tự trong Đại hội.
6. Khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội, cổ đông được quyền nhận đầy đủ các phiếu biểu quyết để tham gia biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội, để đảm bảo tỷ lệ phiếu biểu quyết, trong quá trình diễn ra đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài hoặc về sớm không trực tiếp tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền thì cổ đông phải thông báo với Ban tổ chức Đại hội và coi như số phiếu đó tán thành và hợp lệ.

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội:**

1. Kiểm tra tư cách và kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
2. Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp;
3. Phát phiếu biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
4. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.

#### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn; Ban thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội**

1. **Chủ tọa đoàn:** gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa đoàn có nghĩa vụ:
  - a) Điều khiển đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
  - b) Hướng dẫn Quý cổ đông Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
  - f) Có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
    - (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - (ii) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 2. Ban thư ký:** gồm 02 người do Chủ tọa đoàn chỉ định; Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa đoàn, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của chủ tọa đoàn với nhiệm vụ sau:
- a) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;
  - b) Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;
  - c) Soạn thảo và báo cáo cho Đại hội nội dung biên bản cuộc họp trước khi bế mạc Đại hội;
  - d) Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;
  - e) Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.
- 3. Ban kiểm phiếu:** Gồm 05 người, bao gồm 01 Tổ trưởng và 04 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tín nhiệm, có nghĩa vụ:
- a) Thông báo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
  - a) Tiến hành kiểm đếm phiếu biểu quyết, tổng hợp và công bố kết quả biểu quyết của từng vấn đề;

## **Điều 8. Phiếu biểu quyết và hình thức biểu quyết, điều kiện thông qua Nghị quyết tại Đại hội:**

### **1. Phiếu biểu quyết tại Đại hội gồm 3 loại:**

- a) **Thẻ biểu quyết (màu trắng)** để thông qua các nội dung sau:
  - Thông Qua quy chế làm việc;
  - Chương trình Họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Bầu ban thư ký, ban kiểm phiếu;
  - Tờ trình bầu số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.
  - Biên bản đại hội, Nghị quyết đại hội.

b) **Phiếu biểu quyết (màu hồng)** để thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017;
- Báo cáo Ban kiểm soát năm 2017;
- Tờ trình v/v thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2017;
- Tờ trình v/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Tờ trình v/v ủy quyền BKS lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2018;
- Tờ trình v/v báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS công ty năm 2018;
- Tờ trình v/v thông qua nội dung và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động mới sửa đổi, bổ sung của Công ty theo quy định tại Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, Thông tư số 95//2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ;
- Tờ trình v/v thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.
- Tờ trình v/v giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số 226/NHNhHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM;

c) **Phiếu bầu cử (Phiếu màu xanh):**

Dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023.

**2. Hình thức biểu quyết:**

a) **Thẻ biểu quyết (màu trắng)** theo hình thức giơ thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “ Không có ý kiến”.

\* Trường hợp cổ đông đã được phát Thẻ biểu quyết nhưng không giơ Thẻ biểu quyết đối với nội dung được Chủ tọa đoàn lấy ý kiến trong cả ba lần (đồng ý, Không đồng ý, hoặc không có ý kiến) thì được xem là Đồng ý với nội dung đó.

b) **Phiếu biểu quyết (màu hồng)** theo hình thức bỏ phiếu.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu biểu quyết đáp ứng đủ các điều kiện sau:
  - + Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành, có đóng dấu của Công ty trên mỗi phiếu biểu quyết và có chữ ký của cổ đông;
  - + Phiếu biểu quyết phải thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác,... khi không được chủ tọa yêu cầu;
  - + Phiếu biểu quyết phải còn nguyên vẹn, không bị gạch xóa, sửa chữa, rách hoặc mờ không rõ chữ;

- Phiếu biểu quyết không đáp ứng được các điều kiện trên coi là Phiếu biểu quyết không hợp lệ và không được sử dụng để tính quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần được ghi trên phiếu biểu quyết đó.

- Phiếu biểu quyết không đánh dấu ý kiến nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không ý kiến.

- Phiếu biểu quyết đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

c) **Phiếu bầu cử (màu xanh)** theo hình thức bỏ phiếu kín dùng để bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.

### **3. Điều kiện thông qua Nghị quyết tại đại hội:**

a) Các Tờ trình thông qua Nghị quyết tại đại hội phải được số cổ đông đại diện từ **65% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, gồm:

+ Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;

+ Tờ trình về việc thông qua nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

b) Các nội dung khác phải được số cổ đông đại diện từ **51% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

### **Điều 9. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### **Điều 10. Thi hành Quy chế**

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Tp.Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2018

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ BẦU CỬ**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 – 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản được sửa đổi và bổ sung ngày 21/5/2016;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2018 – 2023, theo các quy định dưới đây:

**ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN BẦU CỬ**

1.1. Nguyên tắc bầu cử:

a) Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

b) Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông của Công ty hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 theo danh sách chốt cổ đông vào ngày **20/3/2018** do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

**ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ QUYỀN ĐỂ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT**

**2.1.** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua bằng Thẻ biểu quyết là : **05 thành viên nhiệm kỳ 2018-2023**

**2.2.** Thành viên Hội đồng quản trị được bầu phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp, như sau:



- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

**2.3.** Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được đề cử 01 thành viên HĐQT; từ trên 10% đến 30% được đề cử 02 thành viên HĐQT; từ trên 30% đến 50% được đề cử ba thành viên HĐQT; từ trên 50% đến 65% được đề cử bốn thành viên HĐQT và nếu từ trên 65% được đề cử đủ số ứng viên HĐQT.

**2.4.** Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.

Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

## **ĐIỀU 4: HỒ SƠ ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN VÀO HĐQT**

### **4.1. Hồ sơ đề cử ứng viên bao gồm:**

- Đơn đề cử ứng viên tham gia Thành viên HĐQT;
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao chứng minh nhân dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

**4.2.** Hồ sơ đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi về **Ban tổ chức Đại hội trước 16h 00' ngày 17/4/2018** theo địa chỉ sau đây:

**Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy sản, số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.**

**Người nhận: Bà Lê Thị Hải An – Thư ký HĐQT Công ty**

Đối với các trường hợp đề cử tại Đại hội thì cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử cho Chủ tọa để được xem xét.

**4.3.** Chỉ những hồ sơ đề cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

## **ĐIỀU 5: PHIẾU BẦU VÀ GHI PHIẾU BẦU**

**5.1** Danh sách ứng cử viên vào HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

### **5.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:**

- Phiếu bầu được in thống nhất, có đóng dấu treo của Công ty, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số cổ đông tham dự;

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một phiếu bầu cử thành viên HĐQT (**Phiếu màu xanh**) trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và số phiếu có quyền biểu quyết đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT ; danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT.

Khi cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số cổ đông và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu;

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;
- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” vào dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

### **5.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:**

- Phiếu không theo mẫu của ban tổ chức hoặc không có dấu của Công ty;
- Phiếu để số người được bầu quá số tối đa;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông;
- Phiếu có tẩy xóa, chỉnh sửa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
- Phiếu có ghi tên người ngoài danh sách ứng cử, phiếu có viết thêm;
- Tổng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng viên vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

## **ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ**

- Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu vào HĐQT;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho 01 ứng cử viên hoặc bầu với một số lượng khác cho 01 ứng cử viên với điều kiện không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.

## **ĐIỀU 7: BAN KIỂM PHIẾU, NGUYÊN TẮC BỎ PHIẾU VÀ KIỂM PHIẾU**

### **7.1. Ban Kiểm phiếu:**

- Ban Kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 là Ban kiểm phiếu chung của Đại hội, gồm 05 người (01 Tổ trưởng và 04 thành viên) do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Thành viên Ban kiểm phiếu là cổ đông, nhưng không phải người được đề cử/ ứng cử vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023.
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
  - + Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử;
  - + Phát phiếu bầu cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;
  - + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
  - + Tổ chức kiểm phiếu;
  - + Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
  - + Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa.

### **7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:**

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản, chuyển kết quả bầu cử cho chủ tọa và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

## **ĐIỀU 8: NGUYÊN TẮC TRÚNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT**

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng Thành viên HĐQT được bầu bổ sung hoặc số lượng Thành viên BKS được bầu. Cổ đông có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.

**8.2.** Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất, cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

**8.3.** Trong trường hợp có từ hai ứng viên trở lên nhận được số phiếu bầu bằng nhau trong khi chưa có đủ số thành viên được bầu theo quy định tại Quy chế này thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại để chọn giữa các ứng viên này. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn. Nếu sau khi tiến hành bầu lại mà số phiếu vẫn bằng nhau thì có bầu lại tiếp hay không do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

## **ĐIỀU 9: LẬP VÀ CÔNG BỐ BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp, số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và kết quả bầu cử thành viên HĐQT phải được ghi nhận tại Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**ĐIỀU 10:** Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết tại Đại hội và được chi tiết vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Quy chế này gồm có 10 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**PHU LUC**

**MẪU PHIẾU BẦU VÀ HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018-2023**

**Họ và tên cổ đông:** .....

**Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện (nếu có):** ..... **cổ phần.**

**Tổng số phiếu bầu:** .....

Bầu cho các ông bà sau đây bổ sung vào HĐQT Công ty CP Công nghiệp Thủy sản:

<b>TT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>SỐ PHIẾU BẦU</b>
1		
2		
3		
4		
5		

**CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Hướng dẫn cách bầu:**

- Cổ đông được sử dụng tổng số phiếu bầu để bầu cho các ứng cử viên HĐQT trong danh sách. Cổ đông đồng ý bầu cho ứng viên nào thì viết số phiếu muốn bầu vào cột “SỐ PHIẾU BẦU” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó sao cho tổng số phiếu bầu cho tất cả ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông có.

\* Ví dụ: Cổ đông A có 1.000 cổ phần thì đương nhiên sẽ có 1.000 phiếu bầu (nếu bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT). Giả sử danh sách đề cử là 5 người là các ông bà B, C, D, M, N thì Cổ đông A có thể bầu toàn bộ 1.000 phiếu bầu cho 01 ứng viên A hoặc phân bổ 1.000 phiếu bầu cho 05 ứng viên và ghi vào cột “số phiếu bầu” tương ứng của ứng viên đó. Đảm bảo tổng số không quá 1.000 phiếu bầu.

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU  
KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT, BẦU CỬ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Hôm nay, vào lúc .... giờ ..... ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường lầu 1 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy Sản, số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty được tiến hành và bầu Ban kiểm phiếu gồm có:

- |                           |                       |
|---------------------------|-----------------------|
| 1/ Ông Lê Vĩnh Hòa        | Trưởng ban kiểm phiếu |
| 2/ Ông Lê Đình Dương      | Thành viên.           |
| 3/ Bà Nguyễn Thị Nam Định | Thành viên.           |

Chúng tôi đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử các nội dung của Đại hội, với kết quả như sau:

**I/ Biểu quyết bằng hình thức giơ “Thẻ biểu quyết”, gồm:**

**1. Biểu quyết thông qua chương trình Đại hội:**

- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Đồng ý” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Không đồng ý” : ..... %

**2. Biểu quyết thông qua quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCD thường niên năm 2018:**

- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Đồng ý” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Không đồng ý” : ..... %

**3. Biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023;**

- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Đồng ý” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Không đồng ý” : ..... %

**4. Tờ trình về số lượng thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023:**

- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Đồng ý” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Không đồng ý” : ..... %

**II/ Biểu quyết bằng hình thức “Phiếu biểu quyết” thông qua các báo cáo, tờ trình.**

**1. Biểu quyết thông qua Báo cáo của HĐQT tại ĐHĐCD thường niên 2018:**

- Tổng số phiếu phát ra: ..... phiếu, tương ứng cổ phần.
- Tổng số phiếu thu vào: ..... phiếu, tương ứng cổ phần.

*Trong đó:*

+ Số phiếu hợp lệ: ..... phiếu, tương ứng ..... cổ phần chiếm tỷ lệ %

- + Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng ..... cổ phần chiếm tỷ lệ %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” : ..... %

## **2. Biểu quyết thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2017:**

- Số phiếu phát ra: phiếu, tương ứng cổ phần.
- Số phiếu thu vào: phiếu, tương ứng cổ phần.

*Trong đó:*

- + Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng.....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- + Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành” : ..... %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” : ..... %

## **3. Biểu quyết thông qua Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán:**

- Số phiếu phát ra: phiếu, tương ứng cổ phần.
- Số phiếu thu vào: phiếu, tương ứng cổ phần.

*Trong đó:*

- + Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng.....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- + Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” : %

## **4. Biểu quyết thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:**

- Số phiếu phát ra: phiếu, tương ứng cổ phần.
- Số phiếu thu vào: phiếu, tương ứng cổ phần.

*Trong đó:*

- + Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng.....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- + Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” : %

## **5. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018:**

- Số phiếu phát ra: phiếu, tương ứng cổ phần.

- Số phiếu thu vào:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

*Trong đó:*

+ Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng.....cổ phần chiếm tỷ lệ %

+ Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành”                      :        %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành”                      :        %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”                      :        %

#### **6. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018:**

- Số phiếu phát ra:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

- Số phiếu thu vào:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

*Trong đó:*

+ Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng..... cổ phần chiếm tỷ lệ %

+ Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành”                      :        %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành”                      :        %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”                      :        %

#### **7. Biểu quyết thông qua Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.**

- Số phiếu phát ra:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

- Số phiếu thu vào:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

*Trong đó:*

+ Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng..... cổ phần chiếm tỷ lệ %

+ Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành”                      :        %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành”                      :        %

- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”                      :        %

#### **8. Biểu quyết thông qua Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017.**

- Số phiếu phát ra:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

- Số phiếu thu vào:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

*Trong đó:*

+ Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng..... cổ phần chiếm tỷ lệ %

+ Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %



- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” : %

### **9. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc hoàn trả giấy tờ đất cho Ngân hàng Nông nghiệp:**

- Số phiếu phát ra:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.
- Số phiếu thu vào:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

*Trong đó:*

- + Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng.....                      cổ phần chiếm tỷ lệ %
- + Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” : %

### **10. Biểu quyết thông qua Tờ trình về việc tăng thời gian nhiệm kỳ của Ban kiểm soát đương nhiệm**

- Số phiếu phát ra:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.
- Số phiếu thu vào:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

*Trong đó:*

- + Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng.....                      cổ phần chiếm tỷ lệ %
- + Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành” : %
- Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến” : %

## **III/ Kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023**

### **1. Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ năm 2018 - 2023:**

- Tổng số phiếu phát ra:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.
- Tổng số phiếu thu vào:                      phiếu, tương ứng                      cổ phần.

*Trong đó:*

- + Số phiếu hợp lệ: .....phiếu, tương ứng.....cổ phần chiếm tỷ lệ %
- + Số phiếu không hợp lệ.....phiếu, tương ứng .....cổ phần chiếm tỷ lệ %

### **2. Kết quả bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ năm 2018-2023**

(Sắp xếp theo kết quả kiểm phiếu từ cao xuống thấp)

ST T	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU ĐƯỢC BẦU	Tỷ lệ % tính trên số cổ phiếu phát ra hợp lệ
1			%
2			%
3			%
4			%
5			%
6			%

**3. Kết quả trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ năm 2018-2023**  
(Sắp xếp theo kết quả kiểm phiếu từ cao xuống thấp)

S T T	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ % tính trên số cổ phiếu phát ra hợp lệ	KẾT QUẢ
1		%	Trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
2		%	Trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
3		%	Trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
4		%	Trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
5		%	Trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023

**IV/ Biểu quyết thông qua Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bằng hình thức giơ “Thẻ biểu quyết”.**

- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Đồng ý” : %
- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Không đồng ý” : %

**V/ Biểu quyết thông qua Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bằng hình thức giơ “Thẻ biểu quyết”.**

- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Đồng ý” : %
- Tỷ lệ số phiếu giơ thẻ biểu quyết “Không đồng ý” : %

Biên bản kiểm phiếu được các thành viên Ban kiểm phiếu cuộc họp ký và lập thành 02 bản, lưu trữ tại Công ty và đăng tải trên website Công ty [www.seameco.com.vn](http://www.seameco.com.vn) để toàn thể cổ đông tiện việc theo dõi.

**BAN KIỂM PHIẾU**

**Lê Vĩnh Hòa**

**Nguyễn Thị Nam Định**

**Lê Đình Dương**

Số: /BB-ĐHĐCĐ2018-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**DỰ THẢO**

**BIÊN BẢN HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Tên Công ty : Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.  
Trụ sở chính : Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7,  
Tp.Hồ Chí Minh.  
Giấy CNĐKDN : 0302166033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí  
Minh cấp lần đầu ngày 12/2/2007, thay đổi lần 7 ngày  
17/5/2017.  
Thời gian : Từ 08 giờ 30 phút đến .... giờ.... phút ngày 20 tháng 4  
năm 2018  
Địa điểm : Hội trường lầu 1 của Công ty Cổ phần Công nghiệp  
Thủy Sản, số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận  
Đông, Quận 7, Tp.HCM

**NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

**I. KHAI MẠC, THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:**

**1. Khai mạc và thành phần tham dự Đại hội.**

Ông Trần Khanh, thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội

**2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.**

Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 đã phân công các nhân sự trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông, gồm các thành viên sau:

- ① Ông Nguyễn Thành Trung – Trưởng BKS Công ty làm Trưởng ban;
- ② Bà Lê Thị Hải An – Thành viên.
- ③ Ông Trần Nhật Triết – Thành viên.

Ông Nguyễn Thành Trung đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, như sau:

Tổng số cổ đông của Công ty được triệu tập tham dự Đại hội: 138 cổ đông đại diện cho quyền sở hữu 4.064.700 cổ phần, bằng 100% tổ số cổ phần có quyền biểu quyết được mời họp.

Tại thời điểm khai mạc Đại hội vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 20/4/2018, tổng số cổ đông (sở hữu và đại diện theo ủy quyền) có mặt và đủ điều kiện tham dự Đại hội là ..... **cổ đông**. Trong đó:

- Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp tại ĐH : ..... cổ đông,
- Tổng số cổ đông ủy quyền : ..... cổ đông

Đại diện cho ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, đủ điều kiện tiến hành.

## **II/ NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI.**

### **1. Bầu Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu và Ban Thư ký.**

Đại hội đã tiến hành bầu Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội như sau:

#### **1.1 Bầu Chủ tọa đoàn:**

Danh sách Chủ tọa đoàn gồm:

1. Ông Thái Bá Nam, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty – Chủ tọa đại hội.
2. Ông Mai Xuân Phong, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Thành viên.
3. Ông Trương Tùng Hưng, Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD – Thành viên.

Đại hội đã thông qua thành phần Chủ tọa đoàn bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội

#### **1.2 Bầu Ban Thư ký đại hội:**

Danh sách Ban Thư ký:

1. Bà Lê Thị Hải An, Thư ký Hội đồng Quản trị Công ty – Trưởng ban.
2. Bà Trần Thị Hạnh, Chuyên viên Phòng TCKT – Thành viên.

Đại hội đã thông qua thành phần Ban Thư ký bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội

- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội

### **1.3 Bầu Ban kiểm phiếu, gồm 04 người:**

Danh sách Ban Kiểm phiếu:

1. Ông Lê Vĩnh Hòa – Trưởng ban.
2. Ông Lê Đình Dương – Thành viên.
3. Ông Trần Nhật Triết – Thành viên.
4. Bà Nguyễn Thị Nam Định – Thành viên.
5. Bà Đặng Việt Trinh – Thành viên.

Đại hội đã thông qua thành phần Ban kiểm phiếu bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội

## **2. Thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông và Quy chế làm việc tại Đại hội:**

### **2.1. Thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông:**

Ông Thái Bá Nam – Chủ tọa đại hội trình bày Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 (*không có nội dung bổ sung thêm so với nội dung chương trình dự kiến đã gửi kèm theo Thư mời họp cho cổ đông*).

Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

### **2.2. Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội:**

Bà Lê Thị Hải An – Thay mặt ban thư ký đại hội trình bày Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

Đại hội đã thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

### **3. Phần trình bày và thảo luận các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.**

#### **3.1. Trình bày các Báo cáo và Tờ trình:**

(Toàn văn các nội dung Báo cáo và Tờ trình: chi tiết theo Tài liệu phiên họp)

**a) Ông Mai Xuân Phong** – thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty thay mặt HĐQT và Ban điều hành Báo cáo của HĐQT về đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2017 tại ĐHCĐ thường niên năm 2018.

**b) Ông Nguyễn Thành Trung - TV BKS**, trình bày Báo cáo hoạt động BKS năm 2017 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản và Tờ trình số ...../TTr-BKS-CNTS ngày 05/4/2018 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

**c) Ông Trương Tùng Hưng – TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc** trình bày các Tờ trình của HĐQT, như sau:

1. Tờ trình số /TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2017;
2. Tờ trình số /TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về Báo cáo kế hoạch SXKD năm 2017 và kế hoạch năm 2018;
3. Tờ trình số /TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và mức chi trả thù lao năm 2018;
4. Tờ trình số /TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về việc thông qua số lượng thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

**d) Ông Thái Bá Nam – Chủ tịch HĐQT** trình bày các Tờ trình của HĐQT, như sau:

1. Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày / 4/2018 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua Điều lệ mới sửa đổi, bổ sung của Công ty cho phù hợp với quy định mới theo Nghị định 71/NQ-CP ngày 06/6/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ tài chính v/v hướng dẫn một số điều của ND 71/ND-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và
2. Tờ trình số /TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cp Công nghiệp Thủy sản.

*(Nội dung bản dự thảo Điều lệ , Tóm tắt các thay đổi của Điều lệ, Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CPCN Thủy sản đã gửi đến cổ đông và đăng tải trên trang website của Công ty)*

3. Tờ trình số /TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số 226/NHNhHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM;

4. Tờ trình số /TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới.

### 3.2 Đại hội thảo luận:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

### 3.3 Chủ tọa đoàn kết luận các vấn đề cần biểu quyết:

a) Ông Thái Bá Nam thay mặt Chủ tọa đoàn kết luận các vấn đề cần phải biểu quyết tại phiên họp bằng hình thức lấy “Phiếu biểu quyết” của cổ đông, gồm:

① Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

② Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2017

③ Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày .../ 4 /2018 về việc Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

④ Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày .../ 4 /2018 về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

⑤ Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

⑥ Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày .../ 4 /2018 về việc thông qua Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018.

⑦ Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày / 4 /2018 về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung về tổ chức và hoạt động của Công ty.

⑧ Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày / 4 /2018 về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

⑨ Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày /4/2018 về giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số 226/NHNhHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM.

b) Ông Thái Bá Nam thay mặt Chủ tọa đoàn kết luận các vấn đề cần phải biểu quyết tại phiên họp bằng hình thức giơ “Thẻ biểu quyết” của cổ đông Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày / 4 /2018 về việc thông qua số lượng thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

Đại hội đã thông qua biểu quyết tại Đại hội với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.



- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

#### **4. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.**

##### **4.1. Thông qua Danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị.**

Ông Thái Bá Nam thay mặt Chủ tọa đoàn trình bày Danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 (đính kèm lý lịch trích ngang và đơn đề cử, ứng cử của từng thành viên), cụ thể như sau:

Danh sách ứng viên bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

STT	Họ và tên	Ghi chú
1		
2		
3		
4		
5		
6		

Đại hội đã thông qua Danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

##### **4.2 Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị.**

Ông Lê Vĩnh Hòa - cổ đông Công ty, Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu trình bày về Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Đại hội đã thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

##### **4.3 Tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.**

Ông Nguyễn Thành Trung – thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

Tính đến thời điểm ..... giờ .... phút ngày 20/4/2018, tổng số cổ đông (sở hữu và đại diện theo ủy quyền) có mặt và đủ điều kiện tham dự Đại hội là ..... cổ đông, đại diện cho ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông Lê Vĩnh Hòa đại diện Ban kiểm phiếu trình bày hướng dẫn và lưu ý các cổ đông khi ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử.

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

## **5. Kết quả biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình.**

### **5.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

### **5.2 Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2017.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

### **5.3 Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày ..../4/2018 về việc Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

### **5.4 Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày ..../4/2018 về việc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

**5.5 Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

**5.6 Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày ..../4/2018 về việc Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả năm 2018.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

**5.7 Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày ..../4/2018 về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

**5.8 Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày ..../4/2018 về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

**5.9 Tờ trình số ...../TTr-HĐQT-CNTS ngày ..../4/2018 về giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số 226/NHNhHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM.**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

## 6. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023

Ông Lê Vĩnh Hòa đại diện Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.

STT	Họ và tên	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu
1			
2			
3			
4			
5			
6			

Với kết quả bỏ phiếu như trên, danh sách trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản nhiệm kỳ 2018-2023, như sau:

1. Ông/bà .....
2. Ông/bà .....
3. Ông/bà .....
4. Ông/bà .....
5. Ông/bà .....

## III. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

1. Bà Lê Thị Hải An thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

2. Đại hội đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

**3. Đại hội đã thông qua Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:**

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ: ..... tổng số cổ phần tham dự đại hội.

#### **IV. Bế mạc Đại hội.**

Ông Thái Bá Nam thay mặt Ban tổ chức Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kết thúc lúc .... giờ ..... phút ngày 20 tháng 4 năm 2018.

**TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN**

**TM. CHỦ TỌA ĐOÀN  
CHỦ TỌA**

**Lê Thị Hải An**

**Thái Bá Nam**

Số: /NQ-ĐHĐCĐ2018-CNTS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản;

Căn cứ Quy chế tổ chức phiên họp đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2018 để thực hiện quyền tham dự phiên họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, do Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD) lập;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số: /BB-ĐHĐCĐ2018-CNTS ngày 20 tháng 04 năm 2018,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua nội dung các báo cáo tại phiên họp, gồm :**

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2017.

- Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty trong năm 2017.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017:**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản do Công ty TNHH Kiểm toán DTL- Thành viên RSM quốc tế – Chi nhánh Miền Trung thực hiện, ban hành ngày 26/03/2018.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 đã được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật và đăng tải toàn văn trên website Công ty [www.seameco.com.vn](http://www.seameco.com.vn)

**Điều 3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất các chỉ tiêu chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 giao Công ty như sau :

- Tổng Doanh thu : ..... tỷ đồng.
- Tổng Chi phí : ..... tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : ..... tỷ đồng.

**Điều 4. Phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty:**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2017; Phê duyệt tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty trong năm 2018 là **288.000.000 đồng** (Hai trăm tám mươi tám triệu đồng). Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị phân phối mức thù lao này cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Phương thức nhận thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018: Thù lao được nhận hàng quý trong năm.

**Điều 5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2018:**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Ban kiểm soát lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước để kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản. Đơn vị kiểm toán được lựa chọn phải nằm trong danh sách được Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán các công ty đại chúng và niêm yết trên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán cho Công ty.

Giao Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được Ban kiểm soát chọn để thực hiện dịch vụ soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

**Điều 6. Giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay theo yêu cầu tại công văn số 226/NHNhHCM-XLN ngày 20/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Tp.HCM.**

.....  
 .....  
 .....

**Điều 7. Thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ sửa đổi của Công ty.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung.

Thống nhất ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công ty ký ban hành, công bố bản Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2018 để thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

**Điều 8. Thống nhất thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty ký ban hành, công bố bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2018 để thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

**Điều 9. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 đã được bầu tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 gồm các ông/bà có tên sau:**

- Ông/bà .....
- Ông/bà .....
- Ông/bà .....
- Ông/bà .....
- Ông/bà .....

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 được qui định theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các qui định khác của pháp luật.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành.**

Nghị quyết này đã được đọc và thông qua tại phiên họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản với 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tại phiên họp chấp thuận, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bản nghị quyết đã ký được lưu trữ tại trụ sở Công ty và được đăng tải trên website Công ty : [www.seameco.com.vn](http://www.seameco.com.vn) để thông tin đến toàn thể cổ đông của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN  
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty  
(qua website [www.seameco.com.vn](http://www.seameco.com.vn));
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội, TTLKCK;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty;
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.